

Số : 45 /TTr-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty
với người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Xét Báo cáo số 143/DVKT-KTKH ngày 04/3/2024 của Giám đốc Công ty về việc Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định,

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định.

(Danh mục chi tiết như Phụ lục đính kèm).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Danh mục các Hợp đồng giữa công ty với người có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Duy Nhị

CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Đính kèm Tờ trình số **45** /TTr-DVKT-HDQT ngày **13** /3/2024)

STT	Tên hợp đồng	Ghi chú	Tổng giá trị VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Hợp đồng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 (trong 05 năm)	Ký giữa Công ty và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	113.017.921.757
2	Hợp đồng Cà Mau về việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên cho NMD Cà Mau 1&2	Ký giữa Công ty và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	46.964.818.613
3	Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMD Vũng Áng 1 cho giai đoạn 03 năm	Ký giữa Công ty và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	231.844.987.491



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Hà Nội, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: ____/PVP.TM-PVPS/ ____/DV

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên NMD Nhơn Trạch 1

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;

Căn cứ biên bản thương thảo số ____ ngày ____ giữa Bên mời thầu và Nhà cung cấp;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí, Số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : ; Fax:

E-mail: info@pv-power.vn

Tài khoản :

Mở tại Ngân hàng

Mã số thuế :

Đại diện bởi : Ông

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Theo Quyết định số ____ ngày ____ của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

Sau đây gọi là Bên A

Nhà cung cấp: Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản: ____

Mở tại: Ngân hàng

Mã số thuế : 0102560459

Đại diện : Ông Vũ Anh Tuấn Chức vụ: Giám đốc

Sau đây gọi tắt là Bên B.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1, bao gồm các điều khoản Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.
- 1.2. "**Bên A**" là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power).
- 1.3. "**Bên B**" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- 1.4. **"Hai Bên"** là Bên A và Bên B.
- 1.5. **"Ngày"** là ngày dương lịch.
- 1.6. **"Nhà máy" hoặc "NMD Nhơn Trạch 1"** là toàn bộ các hệ thống công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1.
- 1.7. **"OEM"** (Original Equipment Manufacturer) là nhà chế tạo thiết bị gốc được lắp đặt, sử dụng trong Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1.
- 1.8. **"Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên"** là thực hiện các công tác bảo dưỡng, sửa chữa duy tu nhỏ có tính chất thường xuyên, để duy trì, đưa các thiết bị/hệ thống thiết bị/tổ máy về trạng thái vận hành an toàn, ổn định đáp ứng những thông số theo tài liệu O&M và các quy định hiện hành và bao gồm cả sửa chữa thường kỳ theo tiêu chuẩn vận hành của thiết bị hoặc theo hướng dẫn của nhà chế tạo.
- 1.9. **"Sửa chữa định kỳ"** là thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch phù hợp với các thông số vận hành của nhà máy trên cơ sở các tài liệu O&M và các quy định hiện hành.
- 1.10. **"Sửa chữa sự cố"** là thực hiện các công tác sửa chữa ngoài kế hoạch, ngoài dự kiến, không thuộc khối lượng sửa chữa thường xuyên và sửa chữa định kỳ trên thiết bị hoặc trên hệ thống thiết bị sau khi có sự cố, bất thường gây hư hỏng cho thiết bị/hệ thống thiết bị.
- 1.11. **"Dụng cụ chuyên dùng"** là các trang thiết bị, dụng cụ chuyên dùng phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1.
- 1.12. **"Vật tư thay thế "** là các vật tư, thiết bị phục vụ việc thay thế, khắc phục các bất thường, hư hỏng trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên.
- 1.13. **"Vật tư tiêu hao "** bao gồm các vật tư được sử dụng hoặc bắt buộc thay thế, có tính chất hao mòn trong quá trình sử dụng, chỉ sử dụng một lần, nhỏ, lẻ phục vụ quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy, bao gồm các loại vật tư sau : dầu mỡ bôi trơn, vòng đệm, bulong, hóa chất xử lý bề mặt, keo dán, que hàn,....
- 1.14. **"Công việc"** là toàn bộ công tác cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa có liên quan đến Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 được Bên A giao.
- 1.15. **"Phát sinh"** là khối lượng công việc phải thực hiện nằm ngoài Phạm vi công việc và giá trị thực hiện công việc chưa được tính trong giá Hợp đồng.
- 1.16. **"An toàn sức khỏe môi trường"** Viết tắt : ATSKMT – Bao gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.
- 1.17. **"Thiết Bị Chính"**: là các thiết bị sau: lò thu hồi nhiệt, tuabin khí, tuabin hơi, van hơi tuabin hơi; máy phát, bơm nước cấp, bơm nước ngưng, động cơ bơm nước ngưng, bơm nước tuần hoàn làm mát chính, máy biến áp chính, máy biến áp tự dùng, hệ thống sân trạm 220 kV, hệ thống điều khiển nhà máy. Để tránh nhầm lẫn, các hệ thống phụ trợ cho các thiết bị nêu trên thuộc về Thiết Bị Phụ.
- 1.18. **"Thiết Bị Phụ"** là toàn bộ các hệ thống/thiết bị Nhà Máy ngoại trừ các Thiết Bị Chính.

Các từ và thuật ngữ khác chưa định nghĩa trong phần này thì được hiểu như trong các văn bản pháp lý hiện hành của nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên như sau:

- 2.1. Hợp đồng (bao gồm các Điều khoản, Phụ lục Hợp đồng);
- 2.2. Biên bản hoàn hiện hợp đồng;
- 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
- 2.4. Biên bản thương thảo hợp đồng;
- 2.5. HSMT và các văn bản, tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có).
- 2.6. HSDT và các văn bản, tài liệu sửa đổi, làm rõ HSDT (nếu có).
- 2.7. Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế của Bên A.
- 2.8. Các biểu mẫu, tài liệu có liên quan (nếu có).

Điều 3. Phạm vi công việc.

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa NMD Nhơn Trạch 1 (bao gồm: Nhân công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ và các dịch vụ liên quan phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa) tuân thủ đúng quy trình, tài liệu O&M, thiết kế của nhà chế tạo thiết bị hoặc biên bản nghiệm thu lần đầu, biên bản nghiệm thu lần gần nhất và các quy định trong lĩnh vực điện, để đảm bảo Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 vận hành an toàn, liên tục, tin cậy, đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết bị, đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng,

3.1. Yêu cầu chung.

Bên B có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch công việc bảo dưỡng, sửa chữa thực hiện ngày, tháng, quý.
- Lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn, phương án kỹ thuật công việc bảo dưỡng, sửa chữa.
- Cung cấp nhân sự thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa.
- Cung cấp vật tư tiêu hao phục vụ công việc bảo dưỡng, sửa chữa.
- Cung cấp công cụ dụng cụ, giàn giáo thi công phục vụ công việc bảo dưỡng, sửa chữa.
- Tiến hành thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa

3.2. Phạm vi công việc cụ thể.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên được thực hiện cho tất cả hệ thống/thiết bị Cơ nhiệt, Điện và C&I thuộc NMD Nhơn Trạch 1 được liệt kê tại Phụ lục 1.
- Phạm vi công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên gồm:
 - + Bảo dưỡng sửa chữa có tính chất thường xuyên hàng ngày (Routine).
 - + Bảo dưỡng sửa chữa bất thường, đột xuất; bảo trì chuẩn đoán ngăn ngừa; xử lý sự cố.
 - + Phạm vi công việc thuộc phạm vi phát sinh.

Chi tiết phạm vi công việc theo Phụ lục 2.

- Phạm vi công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên không bao gồm việc sửa chữa phần xây dựng, lấy mẫu thí nghiệm dầu nhớt, dầu biến áp, lọc dầu biến áp, sửa chữa bảo dưỡng thang máy...

- Bên A có quyền thay đổi các nội dung trong phạm vi công việc khi có văn bản gửi Bên B và thực hiện theo nguyên tắc xử lý phát sinh.
- Bên B có quyền đề xuất thay đổi các nội dung phạm vi công việc nếu có, và phải được sự chấp thuận của Bên A.

Điều 4. Thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 05 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Điều 5. Nhân sự thực hiện Hợp đồng.

5.1. Huy động nhân sự.

Bên B phải huy động đảm bảo luôn đầy đủ nhân sự để thực hiện công việc theo thống nhất giữa hai bên. Nhân sự thực hiện là các nhân sự đã đề xuất trong HSDT. Bên B chỉ được phép thay đổi và hoặc bổ sung nhân sự để thực hiện công việc khi có văn bản đề nghị được sự chấp thuận của Bên A. Nhân sự thay thế và hoặc bổ sung phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự tương tự đã đề xuất trước đó ở vị trí tương ứng.

5.2. Chất lượng, trình độ nhân sự của Bên B.

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan như HSDT của Bên B.
- Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc.
- Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.

5.3. Thay đổi nhân sự của Bên B.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và các Bên B phụ khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B và các Bên B phụ vi phạm một trong các trường hợp sau:

- + Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng.
- + Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản...); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên.
- + Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng.
- + Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả.

+ Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.

- Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

6.1. Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn 05 ngày kể từ ngày có Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng.

6.2. Hình thức, loại bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bên B cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành.

6.3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.

6.4. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực trong thời gian 365 ngày kể từ ngày phát hành. Trước 05 ngày làm việc khi hết hạn hiệu lực bảo lãnh, Bên B có trách nhiệm gia hạn hoặc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng mới cho 365 ngày tiếp theo và cung cấp cho Bên A. Nếu quá thời hạn nêu trên, Bên B coi như vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng.

6.5. Bên B phải duy trì bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

7.1. Quyền của Bên A.

- Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Bên B tại NMD Nhơn Trạch 1;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng.
- Xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa theo tháng/quý/năm của NMD Nhơn Trạch 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B.
- Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng.
- Thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu giám phạm vi công việc sửa chữa thường xuyên thuộc phạm vi công việc của Hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A.

- Cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu cần thiết, phù hợp để Bên B thực hiện các yêu cầu của Bên A;
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này và các quy định có liên quan khác;
- Giao cho Bên B quản lý và sử dụng các Dụng cụ chuyên dùng (có danh mục cụ thể tại Phụ lục 5), các tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì sửa chữa được cấp theo hợp đồng EPC;
- Bố trí các điểm tập kết rác thải để Bên B tập kết theo đúng quy định và Bên A sẽ chịu trách nhiệm xử lý rác thải theo luật định.
- Hỗ trợ, cho Bên B mượn các máy móc thiết bị có sẵn để thực hiện công việc theo quy định trong Hợp đồng khi có văn bản đề nghị từ Bên B.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

8.1. Quyền của Bên B.

- Tổ chức thực hiện các Công việc được quy định trong Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn.
- Được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết, phù hợp liên quan, Dụng cụ chuyên dùng theo Hợp đồng EPC như nêu tại Phụ lục 5 để phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy theo quy định của Hợp đồng.

- Được mượn các máy móc thiết bị có sẵn để thực hiện công việc theo quy định trong Hợp đồng
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Đề xuất sáng kiến, cải tiến, cải tạo hợp lý hóa sản xuất trên cơ sở phù hợp với các tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn của Nhà chế tạo thiết bị;
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B.

- Duy trì bộ máy nhân sự phù hợp với Phiếu công tác đã được đăng ký với Bên A, đảm bảo đầy đủ công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ để thực hiện dịch vụ sửa chữa thường xuyên.
- Trước ngày 25 hàng tháng, Bên B trình Bên A (hoặc đại diện Bên A ủy quyền) xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa tháng tiếp theo của NMD Nhơn Trạch 1 trên cơ sở thực tế, tài liệu O&M.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy tuân thủ theo Quy định hệ thống điện truyền tải, Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện, Hồ sơ/tài liệu kỹ thuật của Nhà máy, Quy định về bảo dưỡng sửa chữa của nhà chế tạo, các văn bản pháp lý có liên quan và theo quy định tại Hợp đồng.
- Lập quy trình phối hợp với PV Power NT trong công tác bảo trì sửa chữa NMD Nhơn Trạch 1 được quy định chi tiết của Hợp đồng.
- Lập quy trình, các biểu mẫu nghiệm thu trình Bên A phê duyệt ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A đầy đủ các tài liệu liên quan đến công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1.
- Có trách nhiệm giao lại phần bảo dưỡng sửa chữa có tính chất thường xuyên (Routine) cho Bên A khi nhận được văn bản thông báo của Bên A.
- Đánh giá các rủi ro trong quá trình bảo trì bảo dưỡng và đưa ra biện pháp phòng ngừa và chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an ninh, sức khỏe và tuân thủ qui định bảo vệ môi trường tại NMD Nhơn Trạch 1 trong quá trình triển khai bảo trì sửa chữa. Quy định của Hợp đồng.
- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về bảo dưỡng sửa chữa NMD theo tài liệu O&M.
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố.
- Lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định.
- Lập hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định.
- Chịu trách nhiệm cuối cùng về các phần việc được thực hiện bởi Nhà cung cấp phụ, Nhà cung cấp của Nhà cung cấp.
- Tổng hợp báo cáo ngày/tuần/tháng/năm về công tác bảo dưỡng sửa chữa liên quan.

Điều 9. Giá Hợp đồng.

9.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo phạm vi công việc và giá trị từng năm.

9.2. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng đã bao gồm các toàn bộ chi phí, thuế, phí và lệ phí để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc được quy định tại Điều 3 và Phụ lục 2 của Hợp đồng này là

- Bằng số: **113.017.921.757 VND.**

- Bằng chữ: **Một trăm mười ba tỷ, không trăm mười bảy triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm năm mươi bảy Đồng**

Trong đó, giá trị các năm cụ thể

Năm thực hiện dịch vụ	Giá trị (VND)
Năm thứ nhất	21.529.558.188
Năm thứ hai	22.053.312.910
Năm thứ ba	22.590.161.501
Năm thứ tư	23.140.431.304
Năm thứ năm	23.704.457.854
TỔNG CỘNG	113.017.921.757

Chi tiết giá trị Hợp đồng được quy định tại *Phụ lục 3* của Hợp đồng.

9.3. Giá Hợp đồng này được thanh toán theo giá trị hợp đồng hàng năm chia theo Quý, mỗi Quý thanh toán bằng ¼ giá trị hợp đồng của năm tương ứng. Giá trị thanh toán mỗi quý cho Bên B là giá trị trọn gói theo hợp đồng hàng năm sau khi trừ đi giá trị phát sinh giảm tại Khoản 15.2 Điều 15 (nếu có). Giá trị phát sinh tăng theo quy định tại Khoản 15.1 Điều 15 (nếu có) được thanh toán riêng theo các Sửa đổi bổ sung hợp đồng ký kết giữa 2 bên cho từng phát sinh tăng.

Điều 10. Tạm ứng và thanh toán.

10.1 Tạm ứng.

- Hàng năm, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị của năm hợp đồng tương ứng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tạm ứng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi dần vào các 3 kỳ thanh toán đầu của mỗi năm theo tỷ lệ 35% vào kỳ thanh toán thứ nhất, kỳ thanh toán thứ 2 và 30% kỳ thanh toán lần thứ 3.

- Hồ sơ đề nghị tạm ứng bao gồm:

- + (01 bản gốc) Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- + (01 bản sao) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- + (01 bản gốc) Thư bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do ngân hàng thương mại được Bên A chấp thuận phát hành, có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi Bên A thu hồi hết tiền tạm ứng.

10.2 Thanh toán.

- Sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý trước, Bên B gửi hồ sơ thanh toán chi phí trọn gói của quý trước liền kề. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A thanh toán cho Bên B chi phí trọn gói của quý trước liền kề (đã bao gồm phát sinh giảm) sau khi đã trừ tạm ứng theo tỷ lệ.

- Việc thanh toán Quý cuối cùng của mỗi năm sẽ được thực hiện cùng với công tác quyết toán giá trị của từng năm; quý cuối cùng của năm thứ 5 sẽ quyết toán giá trị tổng

thể của cả 5 năm thực hiện hợp đồng trên cơ sở giá trị quyết toán hàng năm đã thực hiện

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - + (01 bản gốc) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
 - + (01 bản gốc) Bảng tổng hợp giá trị thanh toán theo Quý được đại diện có thẩm quyền của 2 bên ký xác nhận;
 - + (01 bản sao) Kế hoạch công việc tháng/Quý thực hiện được đại diện có thẩm quyền của Bên A ký xác nhận;
 - + (01 bản gốc) Biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ hoàn thành tháng/Quý được Bên A xác nhận (trường hợp trong tháng/Quý có công việc chưa hoàn thành thì công việc đó sẽ được chuyển sang thực hiện trong tháng/Quý tiếp theo);
 - + (01 bản gốc) Hóa đơn GTGT có giá trị bằng giá trị bảng tổng hợp thanh toán theo Quý;
 - + (01 bản gốc) Biên bản phạt theo quy định tại Điều 17 của Hợp đồng (nếu có);
 - + (01 bản gốc) Biên bản thống nhất giữa hai bên xác nhận giá trị phát sinh giảm (nếu có);
 - + (01 bản gốc) Biên bản quyết toán giá trị năm hợp đồng cho lần thanh toán cuối cùng của mỗi năm hợp đồng) và thanh lý hợp đồng (cho lần thanh toán cuối cùng của năm hợp đồng thứ 5);
 - + (01 bản gốc) Thư bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang cho chất lượng dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, có giá trị 10% theo thanh lý hợp đồng, do ngân hàng được Bên A chấp thuận phát hành với thời hạn bảo lãnh bảo hành 06 tháng kể từ ngày ngân hàng phát hành (cho lần thanh toán cuối cùng của năm hợp đồng thứ 5).

10.3 Giảm trừ thanh toán: Có áp dụng.

10.4 Thông tin xuất hóa đơn.

Bên B xuất hoá đơn cho Bên A theo thông tin sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Mã số thuế: 0102276173-003;

Điều 11. Thuế và lệ phí.

Bên B chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế, phí, lệ phí, giấy phép và các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

Điều 12. Quy định về an toàn sức khỏe môi trường.

12.1 Nguyên tắc cơ bản.

- An toàn sức khỏe môi trường trong Hợp đồng này được hiểu là thành phần không tách rời của sản phẩm dịch vụ, thỏa mãn nhưng không giới hạn yêu cầu của pháp luật có liên quan và đáp ứng các yêu cầu của Bên A mà Bên B đã cam kết cung cấp tại Hợp đồng này.
- Đồng thuận: Có quan điểm, chính sách về An toàn sức khỏe môi trường đồng thuận hướng tới Con người và Môi trường tốt đẹp hơn. Hai Bên cùng nhau cam kết thực hiện, quản lý thực hiện Hợp đồng phù hợp với chuẩn mực được công nhận về An toàn sức khỏe môi trường tại Phụ lục của Hợp đồng này.

- Sự tuân thủ: Đảm bảo mọi yêu cầu của Luật Việt Nam và các Công ước, Hiệp định Quốc tế mà Việt Nam tham gia, có hiệu lực về An toàn sức khỏe môi trường được đáp ứng. Bên A đề ra khung quy trình/quy định phù hợp với căn cứ trên, Bên B xây dựng quy trình/quy định cụ thể của mình nhằm kiểm soát sự tuân thủ đối với cán bộ nhân viên trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Việc vi phạm, xử lý vi phạm về An toàn sức khỏe môi trường do cá nhân, tổ chức có thẩm quyền xử phạt, thì lỗi của các Bên tự chịu và không tính vào giá trị Hợp đồng; Việc vi phạm của Bên B do Bên A xử phạt theo quy định mà Bên B đã cam kết thì thực hiện theo Điều 17 Hợp đồng này.
- Sự thay đổi: Các Bên đảm bảo rằng mọi sự thay đổi hoặc sai khác phải được kiểm soát đầy đủ theo trình tự Bên B lập kế hoạch thực hiện – Bên A đồng ý chấp thuận, hoặc trình tự Bên A yêu cầu – Bên B lập kế hoạch thực hiện – Bên A đồng ý chấp thuận.

12.2 Kế hoạch và Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường.

- Những phạm vi công việc chủ yếu, cùng với quy định về kế hoạch cung cấp dịch vụ, Bên B phải xây dựng nội dung về an toàn sức khỏe môi trường, các nội dung này được thể hiện bằng nhiều văn bản gọi là Hồ sơ ATSKMT, trình Bên A đồng ý chấp thuận hoặc phê duyệt;
- Các Bên sau quá trình thương thảo, thống nhất biểu mẫu thực hiện

Điều 13. Bảo hiểm.

- Bên B có trách nhiệm mua và duy trì bảo hiểm trách nhiệm bồi thường người lao động, bảo hiểm trách nhiệm phương tiện xe cơ giới của Bên B theo quy định của pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm trình cho Bên A các chứng từ bảo hiểm liên quan đến các đơn bảo hiểm (nếu có) của các Nhà cung cấp phụ, Nhà cung cấp của Bên B theo yêu cầu của Bên A.
- Các chi phí liên quan đến trách nhiệm mua bảo hiểm của Bên B nêu trong Hợp đồng này do Bên B chịu.
- Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các đơn bảo hiểm bổ sung hoặc sửa đổi (nếu có) quy định trong Hợp đồng này trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thay đổi.

Điều 14. Nhà cung cấp phụ.

- Bên B được ký kết hợp đồng thuê các Nhà cung cấp phụ để thực hiện một phần công việc trong phạm vi công việc. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về số lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà cung cấp phụ thực hiện.
- Bên B chỉ được thay thế nhà cung cấp phụ khi có sự chấp thuận của Bên A.
- Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các nhà cung cấp phụ để thực hiện công việc được giao.

Điều 15. Công việc phát sinh.

15.1. Phát sinh tăng.

15.1.1. Nguyên tắc xử lý phát sinh tăng.

- Công việc được coi là phát sinh tăng khi Bên A có công văn yêu cầu Bên B thực hiện các công việc ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng và các công việc thuộc phần Routine Bên A đang thực hiện (phạm vi công việc đã đề nghị lấy lại trước đó).

- Trong trường hợp khẩn cấp, do yêu cầu phải đưa thiết bị/ tổ máy/hệ thống vào vận hành, Bên A có thể yêu cầu trực tiếp bằng điện thoại để Bên B kịp thời thực hiện công việc, Sau đó, Bên A phải bổ sung yêu cầu chính thức bằng văn bản.
- Công việc phát sinh sau khi thực hiện phải được Bên A nghiệm thu và xác nhận hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.
- Nhân công thực hiện công việc phát sinh tăng được tính theo đơn giá quy định tại Phụ lục 3 của Hợp đồng cho từng năm tương ứng.

15.1.2. Quy trình xử lý phát sinh tăng.

- Trong trường hợp có phát sinh tăng, hai Bên sẽ thực hiện theo Quy trình như sau:
 - + Tiếp nhận thông tin: Bên B tiếp nhận thông tin yêu cầu thực hiện công việc từ Bên A.
 - + Khảo sát, phân tích khả năng thực hiện công việc (bao gồm cả trường hợp đề nghị Bên B cung cấp vật tư thuộc trách nhiệm cung cấp của Bên A): Bên B khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc, lập phương án kỹ thuật, tiến độ thi công, dự trù vật tư, thiết bị và chào giá tổng chi phí dự kiến. Nếu công việc phát sinh bao gồm cả cung cấp vật tư thuộc trách nhiệm của Bên A thì Bên B cần gửi kèm báo giá vật tư đó.
 - + Bên A có trách nhiệm xem xét, phê duyệt Phương án kỹ thuật, tiến độ thi công và dự trù vật tư thiết bị; đồng thời hai bên ký kết sửa đổi bổ sung hợp đồng cho phần công việc phát sinh này để làm cơ sở thực hiện.
 - + Chuẩn bị thi công: Bên B thực hiện các công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, thiết bị, máy thi công và nhân lực thi công khi được phép của Bên A.
 - + Thực hiện công việc: Bên B tiến hành thực hiện công việc đã được thống nhất với Bên A.
- Nghiệm thu: Nghiệm thu quá trình thực hiện công việc theo đúng các quy trình hiện hành của Bên A và hợp đồng giữa các bên (nếu có).
- Việc thanh toán phát sinh tăng.
 - + Bên B bằng chi phí của mình chịu trách nhiệm thực hiện công việc phát sinh trong phạm vi nêu tại Mục III, Phụ lục 2 của Hợp đồng - Phạm vi công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên.
 - + Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phần chi phí phát sinh không thuộc phạm vi nêu tại Mục III, Phụ lục 2 của Hợp đồng Phạm vi công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên. Để tránh hiểu lầm, đối với chi phí phần công việc Routine Bên A đã đề nghị lấy lại trước đó mà yêu cầu Bên B thực hiện, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% chi phí được hai bên thống nhất mà không áp dụng quy định thanh toán phần giá trị vượt mức 30 công/sự vụ như nêu tại Mục III, Phụ lục 2 của Hợp đồng.
 - + Giá trị phát sinh sau khi xác định trách nhiệm của các Bên như nêu trên được thanh toán theo 1 trong 2 hình thức sau: thanh toán thực thanh thực chi căn cứ trên số công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ và các chi phí thuê mua ngoài thực tế của Bên B được Bên A xác nhận khi nghiệm thu hoàn thành; hoặc thanh toán trọn gói theo chào giá của Bên B.

15.2. Phát sinh giảm.

Trước mỗi kỳ thanh toán, 2 bên sẽ thống nhất về phát sinh giảm có phát sinh trong kỳ thanh toán hay không theo các quy định tại Điểm 15.2.1 và 15.2.2. Việc xác định phát sinh giảm được tính đồng thời cho cả hai trường hợp.

15.2.1. Phát sinh giảm khi giảm phạm vi công việc sửa chữa thường xuyên.

- Trong trường hợp Bên A đề xuất giảm phạm vi công việc sửa chữa mang tính chất thường xuyên (Routine) so với phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 2.1 của Hợp đồng thì phạm vi công việc này được coi là phát sinh giảm của Hợp đồng.
- Giá trị thanh toán Quý sau khi giảm trừ cho Bên B trong trường hợp này được tính như sau:

$$P_1 = (1 - 33,38\%) \times GCT \times \frac{N_r}{N} + GCT \times \frac{N - N_r}{N}$$

$$= GCT \times \left(1 - 33,38\% \times \frac{N_r}{N} \right)$$

Trong đó:

P_1 là giá trị trọn gói thanh toán cho Bên B trong quý

N_r là số ngày Bên A yêu cầu Bên B không thực hiện phần công việc sửa chữa mang tính chất thường xuyên (tính cho cả 2 tổ máy)

N là tổng số ngày trong quý

GCT là giá trị trọn gói quý theo hợp đồng (bằng giá trị Năm chia 4)

- Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B 10 ngày trước ngày bắt đầu thực hiện giảm công việc hoặc hoàn lại công việc Routine để Bên B thực hiện theo quy định của Hợp đồng.
- Trong trường hợp Bên B thực hiện toàn bộ phạm vi công việc thì $N_r = 0$ và $P_1 = GCT$.

15.2.2. Phát sinh giảm khi điều chỉnh sản lượng.

Trường hợp sản lượng thực tế phát lên lưới của nhà máy trong Quý dưới mức sản lượng tối thiểu trung bình của 1 quý 399,60 triệu kWh thì Bên B sẽ được thanh toán giá trị như sau:

$$P_2 = P_1 \times 68,6\%$$

Trong đó:

P_2 là giá trị trọn gói thanh toán cho Bên B.

P_1 là giá trị thanh toán cho Bên B trong quý đã tính tới giảm trừ do giảm phạm vi công việc sửa chữa thường xuyên theo công thức ở trên.

15.2.3 Các trường hợp phát sinh giảm khác do hai bên thống nhất tại biên bản.

15.2.4 Giá trị phát sinh giảm trong Quý hai bên thống nhất tại biên bản và được khấu trừ vào giá trị thanh toán Quý đó.

Điều 16. Bảo hành.

16.1 Bảo hành sau sửa chữa thường xuyên, khắc phục sự cố.

(i) Đối với dịch vụ sau sửa chữa thường xuyên:

- Thời gian bảo hành dịch vụ sửa chữa thường xuyên, khắc phục sự cố là 06 tháng kể từ khi hoàn thành hạng mục công việc.

- Đối với thiết bị sau khắc phục sự cố không xác định thời gian bảo hành. Sự cố lặp lại trên cùng một thiết bị trong vòng một tháng do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu toàn bộ phần nhân công và vật tư tiêu hao. Sự cố lặp lại lần thứ hai trở đi trên cùng một thiết bị, trong vòng một tháng do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu toàn bộ phần nhân công và vật tư tiêu hao để sửa chữa thiết bị đó; và ngoài ra sẽ chịu phạt do vi phạm hợp đồng. Sự cố lặp lại mà nguyên nhân do thiết bị, vật tư Bên A cấp bị lỗi hỏng và/hoặc không đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật thì Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành (trách nhiệm bảo hành thuộc Nhà cung cấp thiết bị, vật tư).

(ii) Bảo hành vật tư, thiết bị thay mới do Bên B cấp (trường hợp được Bên A đồng ý).

- Thời gian bảo hành cho thiết bị lắp mới là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

- Bên B phải đảm bảo sau khi nghiệm thu các thông số của thiết bị làm việc nằm trong phạm vi quy trình hiện hành và tài liệu kỹ thuật hoặc biên bản nghiệm thu kỹ thuật lần đầu.

- Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ thiết bị kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Nếu trong thời gian bảo hành có bất kỳ chi tiết nào bị khiếm khuyết do hàng hoá cung cấp, lắp đặt thì Bên B phải hiệu chỉnh sửa chữa (hoặc thay thế nếu cần) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Trong thời gian bảo hành, nếu phải thay thế thiết bị nào thì thời gian bảo hành tính lại kể từ khi thay thế nhưng tổng thời gian không quá 18 tháng.

- Trường hợp khi có hư hỏng thiết bị phát sinh do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình sửa chữa mà dẫn đến làm hỏng thiết bị phụ tùng và phải thay mới, thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định của hợp đồng.

16.2 Bồi thường do gây hư hỏng thiết bị.

Trường hợp khi có hư hỏng thiết bị phát sinh do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình sửa chữa mà dẫn đến làm hỏng thiết bị vật tư phụ tùng của Bên A, thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 18 của Hợp đồng.

16.3 Điều kiện bảo hành.

Việc bảo hành theo quy định tại mục 16.1 Điều này và các nghĩa vụ liên quan của Bên B được thực hiện với những điều kiện được quy định như sau :

- Bên A có trách nhiệm quản lý và vận hành Nhà máy theo đúng tài liệu O&M của OEM và các qui định hiện hành của ngành điện.

- Các thiết bị hư hỏng không phải (i) do thiết bị khác bị hỏng gây ra hoặc (ii) do các thiết bị/dịch vụ do Bên A tự thực hiện hoặc thuê bên thứ 3 thực hiện gây ra.

- Tất cả các hỏng hóc của Nhà máy phải được sửa chữa theo đúng qui định của OEM, thỏa thuận thống nhất của hai bên và các quy định hiện hành của ngành điện.

- Bên A sẽ không sử dụng bất cứ vật tư, thiết bị, phụ tùng nào nếu Bên A nhận ra hoặc nghi ngờ việc sử dụng này có thể gây ra nguy cơ làm hỏng vật tư.

- Dịch vụ sửa chữa thường xuyên thiết bị trong Nhà máy phải do Bên B thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 17. Phạt vi phạm Hợp đồng.

17.1. Đảm bảo hiệu suất công việc.

- Bên B phải đảm bảo tỷ lệ hoàn thành các phiếu/lệnh công tác đã thống nhất trong tháng >90%, ngoại trừ các nguyên nhân do: Đợt ngừng máy hoặc cách ly/không có vật

tư do Bên A cấp hoặc được Bên A chấp nhận gia hạn. Bên B chịu phạt 15.000.000 đồng cho mỗi 1% tổng số phiếu/lệnh công tác đã thống nhất thực hiện trong tháng mà Bên B không hoàn thành.

- Trong trường hợp Bên B không đảm bảo được hiệu suất công việc theo yêu cầu quá 6 lần/năm, Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng.

17.2. Phạt do chậm thực hiện công việc.

- Trường hợp xử lý các bất thường/sự cố trong giờ hành chính: Yêu cầu Bên B huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, công cụ dụng cụ phục vụ xử lý các bất thường/sự cố trong thời gian 60 phút phải có mặt tại hiện trường sau khi nhận được yêu cầu từ Bên A. Nếu Bên B không đáp ứng thời gian huy động sẽ bị phạt 3.000.000 đồng/lần, từ lần thứ 4 sẽ bị phạt 4.500.000 đồng/lần và Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng tùy theo tính chất vi phạm của Bên B.

- Trường hợp xử lý các bất thường/sự cố ngoài giờ hành chính: Yêu cầu Bên B huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, công cụ dụng cụ phục vụ xử lý các bất thường/sự cố trong thời gian 120 phút sau khi nhận được yêu cầu từ Bên A. Nếu Bên B không đáp ứng thời gian huy động đến 3 lần sẽ bị phạt 15.000.000 đồng, từ lần thứ 4 sẽ bị phạt 22.500.000 đồng và Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng tùy theo tính chất vi phạm của Bên B.

17.3. Phạt do chậm hoàn thành công tác.

Ngoại trừ các nguyên nhân bất khả kháng hoặc được sự đồng ý của Bên A cho phép gia hạn, Bên B sẽ bị phạt 15.000.000 đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ hoàn thành công tác đối với mỗi công tác đã đăng ký.

17.4. Phạt vi phạm nghĩa vụ khác:

Ngoài các quy định trên đây nếu vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng, Bên B sẽ bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 18. Bồi thường.

18.1 Nguyên tắc.

Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A khi có thiệt hại xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B và các Nhà cung cấp phụ của Bên B. Giá trị bồi thường bằng giá trị thiệt hại thực tế trực tiếp được các bên xác nhận để khôi phục thiệt hại đó (loại trừ các thiệt hại được bồi thường theo các đơn bảo hiểm của Bên A).

18.2 Giới hạn trách nhiệm bồi thường.

Mặc dù đã được quy định tại bất kỳ Điều khoản nào khác trong Hợp đồng này, không Bên nào kể cả các bên liên quan sẽ chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại gián tiếp bao gồm nhưng không giới hạn lãi, chi phí vốn, doanh thu, tổn thất về uy tín hoặc bất cứ tổn thất tinh cờ hoặc đặc biệt nào.

Thêm vào đó, mặc dù đã được quy định tại bất kỳ Điều khoản nào khác trong Hợp đồng này, giới hạn trách nhiệm bởi mỗi Bên đối với Bên kia theo Hợp đồng này trên cơ sở mức bồi thường thiệt hại theo giá trị thiệt hại thực tế trừ đi giá trị được bảo hiểm. Các bên cũng đồng ý rằng việc từ bỏ quyền khiếu nại các trách nhiệm, các khoản bồi thường và giới hạn trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này sẽ tiếp tục được duy trì sau thời điểm hết hạn hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Hợp đồng

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu cần thiết, Bên A hoặc Bên B được yêu cầu thay đổi, bổ sung các điều khoản, nội dung của Hợp đồng. Bên nhận yêu cầu có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi, bổ sung trong vòng mười bốn (14) ngày. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Hợp đồng phải được hai Bên thống nhất, ký kết Phụ lục bổ sung phù hợp với hình thức và điều kiện quy định của Hợp đồng.
- Hợp đồng được các bên thỏa thuận điều chỉnh trong các trường hợp sau:
 - + Khi Bên A thay đổi, điều chỉnh, bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp đồng.
 - + Điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng .
 - + Khi Nhà nước thay đổi chính sách, qui định có liên quan về thuế.
 - + Hoặc các trường hợp khác được hai Bên thống nhất.

Điều 20. Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng.

20.1. Tạm ngừng Hợp đồng.

- Hợp đồng này sẽ tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo các quy định pháp luật có liên quan.
- Hai bên được quyền tạm ngừng Hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - + Một trong hai bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ trong Hợp đồng ;
 - + Các trường hợp khác được 2 bên thống nhất.
- Bên tạm ngừng Hợp đồng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng Hợp đồng, và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp Bên tạm ngừng không thông báo mà tạm ngừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

20.2. Chấm dứt Hợp đồng.

- a) Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - i. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
 - ii. Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;
 - iii. Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm theo quy định hiện hành về đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;
 - iv. Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - v. Do Bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của một trong hai bên theo quy định Hợp đồng;
 - vi. Do Nhà máy không được huy động hoặc huy động quá ít theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bên A thay đổi chiến lược bảo dưỡng sửa chữa cho phù hợp với chiến lược phát triển của Bên A.
 - vii. Theo thỏa thuận của hai Bên.
- b) Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm (i) Khoản a Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với bên thứ 3 để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

c) Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm các mục còn lại tại Khoản a Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B về việc chấm dứt hợp đồng theo Điểm (vi) Khoản a Điều này trước 02 tháng kể từ ngày bắt đầu chấm dứt.

d) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập.
- Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Do Bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của một trong hai bên theo quy định Hợp đồng.
- Theo thỏa thuận của Hai Bên.

Việc chấm dứt Hợp đồng không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 21. Bất khả kháng.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau:

- Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.

- Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy.

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được do bị cản trở bởi Bất khả kháng. Văn bản thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi ngay sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng thì các bên có quyền thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Khoản 20.2 Điều 20.

Điều 22. Giải quyết tranh chấp.

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A có văn bản gửi Bên B thông báo ngừng thực hiện công việc.

Điều 23. Luật và ngôn ngữ sử dụng.

- Hợp đồng này được điều chỉnh bởi hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam.
- Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt, ngoại trừ một số tài liệu kỹ thuật có thể bằng tiếng Anh.

Điều 24. Bảo mật Hợp đồng.

Hai Bên có trách nhiệm bảo mật và không tiết lộ các thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng ngoại trừ phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo pháp luật hiện hành. Bên B không được công bố hoặc cho phép công bố hay tiết lộ bất cứ thông tin, tài liệu nào về công tác cung cấp dịch vụ và Nhà máy bằng văn bản hay hình thức khác mà không có sự thỏa thuận trước của Bên A. Việc bảo mật thực hiện hợp đồng phải được kéo dài thêm 01 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

25.1 Quyết toán.

Hàng năm, hai Bên có trách nhiệm quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng của năm tương ứng; quý cuối cùng của năm thứ 5 sẽ quyết toán giá trị tổng thể của cả 5 năm thực hiện hợp đồng trên cơ sở giá trị quyết toán hàng năm đã thực hiện.

Bên B có trách nhiệm lập ba (03) bộ hồ sơ quyết toán gửi Bên A, nội dung hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng hàng năm (quyết toán A-B).
- Biên bản nghiệm thu toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng hàng năm .
- Biên bản xác nhận giá trị công việc phát sinh giảm và Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng đối với phần công việc phát sinh tăng (nếu có).
- Biên bản xác nhận khối lượng, tình trạng sử dụng của toàn bộ các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, dụng cụ,... (nếu có) đã được bàn giao/cho mượn từ Bên A.
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

25.2 Thanh lý Hợp đồng.

Hai Bên sẽ thanh lý Hợp đồng sau khi kết thúc hoặc chấm dứt Hợp đồng.

25.3 Quyền và nghĩa vụ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Hai Bên sẽ không còn nghĩa vụ và trách nhiệm nào theo Hợp đồng ngoại trừ:

- Các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm phát sinh trước đó hoặc phát sinh vào thời điểm ngay trước khi kết thúc thời hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng;
- Các nghĩa vụ phải bảo lưu (bảo hành, bảo mật...) được quy định trong Hợp đồng.

Điều 26. Điều khoản chung.

26.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thông báo của một Bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

26.2. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản trên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng yêu cầu.

26.3. Bên A ủy quyền cho Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch ký các biên bản nghiệm thu, xác nhận về khối lượng, chất lượng công việc do Bên B thực hiện; nhận hồ sơ tạm ứng, thanh toán; nhận hoá đơn do Bên B xuất; xác nhận và cho phép triển khai thực hiện các công tác phát sinh, ký kết các biên bản nghiệm thu phát sinh và đề nghị thanh toán các công việc phát sinh.

26.4. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

26.5. Hợp đồng được lập thành 08 bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 05 bộ, Bên B giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Số: ____/PVP.TM.CM-PVPS/ /DV)

**V/v: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên
cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2.**

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ... /... / ;

Hôm nay, ngày ... /... / , chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Địa chỉ: Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là:

Chức vụ:

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1&2, bao gồm các điều khoản Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.
- 1.2. "**Bên A**" là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PVPower).
- 1.3. "**Bên B**" là Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- 1.4. "**Hai Bên**" là Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Ngày**" là ngày dương lịch.
- 1.6. "**Nhà máy**" hoặc "**Nhà máy điện Cà Mau 1&2**" là toàn bộ các hệ thống công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy điện Cà Mau 1&2.
- 1.7. "**OEM**" (Original Equipment Manufacturer) là nhà chế tạo thiết bị gốc được lắp đặt, sử dụng trong Nhà máy điện Cà Mau 1&2.
- 1.8. "**Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên**" là thực hiện các công tác bảo dưỡng, sửa chữa duy tu nhỏ có tính chất thường xuyên, để duy trì, đưa các thiết bị/hệ thống thiết bị/tổ máy về trạng thái vận hành an toàn, ổn định đáp ứng những thông số theo tài liệu O&M và các quy định hiện hành và bao gồm cả sửa chữa thường xuyên theo tiêu chuẩn vận hành của thiết bị hoặc theo hướng dẫn của nhà chế tạo.
- 1.9. "**Sửa chữa định kỳ**" là thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch phù hợp với các thông số vận hành của nhà máy trên cơ sở các tài liệu O&M và các quy định hiện hành.
- 1.10. "**Sửa chữa sự cố**" là thực hiện các công tác sửa chữa ngoài kế hoạch, ngoài dự kiến, không thuộc khối lượng sửa chữa thường xuyên và sửa chữa định kỳ trên thiết bị hoặc trên hệ thống thiết bị sau khi có sự cố, bất thường gây hư hỏng cho thiết bị/hệ thống thiết bị.
- 1.11. "**Dụng cụ chuyên dùng**" là các trang thiết bị, dụng cụ chuyên dùng phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1&2.
- 1.12. "**Vật tư thay thế**" là các vật tư, thiết bị phục vụ việc thay thế, khắc phục các bất thường, hư hỏng trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên.
- 1.13. "**Vật tư tiêu hao sửa chữa**" bao gồm các vật tư được sử dụng hoặc bắt buộc thay thế, có tính chất hao mòn trong quá trình sử dụng, chỉ sử dụng một lần, nhỏ, lẻ phục vụ quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy, bao gồm các loại vật tư sau : dầu mỡ bôi trơn, vòng đệm, bulong, hóa chất xử lý bề mặt, keo dán, que hàn,.....
- 1.14. "**Công việc**" là toàn bộ công tác cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa có liên quan đến Nhà máy điện Cà Mau 1&2 được Bên A giao.
- 1.15. "**Phát sinh**" là khối lượng công việc phải thực hiện nằm ngoài Phạm vi công việc và giá trị thực hiện công việc chưa được tính trong giá Hợp đồng.
- 1.16. "**An toàn sức khỏe môi trường**" Viết tắt : ATSKMT – Bao gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.

1.17. **“Thiết Bị Chính”**: là các thiết bị sau: lò thu hồi nhiệt, tuabin khí, tuabin hơi, van hơi tuabin hơi; máy phát, động cơ và bơm nước cấp, động cơ và bơm nước ngưng, động cơ và bơm nước tuần hoàn làm mát chính, máy biến áp chính, máy biến áp tự dòng, hệ thống sân trạm 220 kV, hệ thống điều khiển nhà máy. Để tránh nhầm lẫn, các hệ thống phụ trợ cho các thiết bị nêu trên thuộc về Thiết Bị Phụ.

1.18. **“Thiết Bị Phụ”** là toàn bộ các hệ thống/thiết bị Nhà Máy ngoại trừ các Thiết Bị Chính.

Các từ và thuật ngữ khác chưa định nghĩa trong phần này thì được hiểu như trong các văn bản pháp lý hiện hành của nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên như sau:

- 2.1. Hợp đồng (bao gồm các Điều khoản, Phụ lục Hợp đồng);
- 2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.3. HSMT và các văn bản, tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có).
- 2.4. HSDT và các văn bản, tài liệu sửa đổi, làm rõ HSDT (nếu có).
- 2.5. Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế của Bên A.
- 2.6. Các biểu mẫu, tài liệu có liên quan (nếu có).

Điều 3. Phạm vi công việc

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1&2 (bao gồm: nhân công, vật tư tiêu hao sửa chữa, công cụ dụng cụ và các dịch vụ liên quan phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa) đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng. Chi tiết quy định tại Phụ lục I - Phạm vi công việc.

Bên B có trách nhiệm lập kế hoạch/Thực hiện toàn bộ công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của Nhà máy theo đúng quy trình, tài liệu O&M, thiết kế của nhà chế tạo thiết bị hoặc biên bản nghiệm thu lần đầu/biên bản nghiệm thu lần gần nhất và các quy định trong lĩnh vực điện, để đảm bảo Nhà máyđiện Cà Mau 1&2 vận hành an toàn, liên tục, tin cậy, đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết bị. Nội dung chính bao gồm những công việc sau:

- (i) Mô tả phạm vi công việc.
- (ii) Danh mục các hệ thống thuộc phạm vi công việc.
- (iii) Danh mục các công việc thuộc phạm vi phát sinh.
- (iv) Danh mục, chu kỳ thực hiện các công việc bảo dưỡng, chẩn đoán, ngăn ngừa khác phục bất thường.

Bên B phải thực hiện tất cả các phạm vi công việc được nêu tại - mục (i), (ii) và (iv).

Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của mục (iii) và nội dung của mục (i), (ii) và (iv) thì nội dung của mục (iii) sẽ được ưu tiên áp dụng.

Nội dung chi tiết của từng trách nhiệm trên quy định cụ thể tại Phụ lục I: Phạm vi công việc của Hợp đồng.

Bên A có quyền thay đổi các nội dung trong phạm vi công việc khi có văn bản gửi Bên B và thực hiện theo nguyên tắc xử lý phát sinh.

Bên B có quyền đề xuất thay đổi các nội dung phạm vi công việc nếu có, và phải được sự chấp thuận của Bên A.

Điều 4. Thời gian thực hiện Hợp đồng

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ... / ... /
- Hợp đồng có thể được gia hạn tối đa 48 tháng trên cơ sở yêu cầu của Bên A. Trong trường hợp này, hai bên sẽ tiến hành đàm phán, thống nhất và ký kết gia hạn hợp đồng trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Bên A. Nguyên tắc gia hạn sẽ như sau:
 - o Thời gian gia hạn: 12 tháng tiếp theo kể từ ngày hết hạn hợp đồng.
 - o Giá trị gia hạn:
 - (i) Trường hợp phạm vi công việc không thay đổi: Giá trị gia hạn bằng giá trị hợp đồng đã ký cộng trượt giá tối đa 2,5%/năm.
 - (ii) Trường hợp phạm vi công việc có thay đổi, điều chỉnh: Giá trị Hợp đồng được hai Bên thống nhất lại theo phạm vi công việc điều chỉnh với đơn giá trượt giá tối đa 2,5%/năm.

Điều 5. Nhân sự thực hiện Hợp đồng

- 5.1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự tối thiểu như đã đề xuất trong HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Bên B phải báo cáo và được sự chấp thuận của Bên A. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.
- 5.2. Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:
 - Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan như HSDT của Bên B;
 - Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;
 - Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.
- 5.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và các nhà thầu phụ của Bên B khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B và các nhà thầu phụ của Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:
 - Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;
 - Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản...); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên;
 - Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng;
 - Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;
 - Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa thường xuyên, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.
- 5.4. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát

sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- 6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng.
- 6.2. Bên B cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên A chấp thuận phát hành.
- 6.3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.
- 6.4. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực trong thời gian 365 ngày kể từ ngày phát hành. Trong trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài, Bên B có trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tới ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành.
- 6.5. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.
- 6.6. Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 05 ngày làm việc mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 03 ngày làm việc. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 7.1. Quyền của Bên A
 - Kiểm tra/giám sát mọi hoạt động của Bên B tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2;
 - Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng;
 - Xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa theo tháng/quý/năm của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 trên cơ sở đề xuất của Bên B;
 - Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này ;
 - Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng;
 - Giám phạm vi công việc sửa chữa thường xuyên thuộc phạm vi công việc từ thời điểm có thông báo bằng văn bản cho Bên B với tổng giá trị phần giảm không vượt quá 20% giá trị Hợp đồng;
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 7.2. Nghĩa vụ của Bên A
 - Cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu cần thiết, phù hợp để Bên B thực hiện các yêu cầu của Bên A;
 - Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này và các quy định có liên quan khác;
 - Hỗ trợ cho Bên B sử dụng các công cụ dụng cụ chuyên dùng tại workshop;
 - Hỗ trợ cho Bên B mượn các công cụ dụng cụ chuyên dùng theo hợp đồng EPC khi cần thiết để thực hiện công việc;

- Bố trí các điểm tập kết rác thải để Bên B tập kết theo đúng quy định và Bên A sẽ chịu trách nhiệm xử lý rác thải theo luật định.
- Thống nhất với Bên B về phạm vi công việc và giá trị thực hiện hợp đồng cho từng khoảng thời gian tiếp sau khi kết thúc 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

8.1. Quyền của Bên B

- Tổ chức thực hiện các Công việc được quy định trong Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn.
- Được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan, công cụ dụng cụ chuyên dùng tại workshop để phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy;
- Được mượn của Bên A các công cụ dụng cụ chuyên dùng theo hợp đồng EPC khi cần thiết để thực hiện công việc;
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Đề xuất sáng kiến, cải tiến, cải tạo hợp lý hóa sản xuất trên cơ sở phù hợp với các tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn của Nhà chế tạo thiết bị;
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B

- Thực hiện việc gia hạn hợp đồng theo yêu cầu của Bên A ;
- Duy trì bộ máy nhân sự, đảm bảo đầy đủ công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ để gia hạn thực hiện dịch vụ sửa chữa thường xuyên khi Bên A có yêu cầu với chất lượng dịch vụ không thay đổi so với Hợp đồng này;
- Trước ngày 25 hàng tháng, Bên B trình Bên A (hoặc đại diện bên A ủy quyền) xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa tháng tiếp theo của NMD Cà Mau 1&2 trên cơ sở thực tế, tài liệu O&M;
- Thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy tuân thủ theo Quy định hệ thống điện truyền tải, Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện, Hồ sơ/tài liệu kỹ thuật của Nhà máy, Quy định về bảo dưỡng sửa chữa của nhà chế tạo, các văn bản pháp lý có liên quan và theo quy định tại Hợp đồng;
- Lập quy trình phối hợp với PV Power Cà Mau trong công tác bảo trì sửa chữa NMD Cà Mau 1&2 được quy định chi tiết của Hợp đồng;
- Lập quy trình, các biểu mẫu nghiệm thu trình Bên A phê duyệt ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực;
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm thực hiện theo đúng các quy trình phối hợp được thống nhất với nhà máy.;
- Tuân thủ các quy trình về An toàn Sức khỏe Môi trường được thống nhất với nhà máy;
- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện theo tài liệu O&M;
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố;

- Lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định;
- Tổ chức lựa chọn và ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp theo quy định của Hợp đồng này;
- Lập hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định;
- Chịu trách nhiệm cuối cùng về các phần việc được thực hiện bởi Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp của Nhà thầu;
- Duy trì sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các bằng chứng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này theo các quy định pháp luật hiện hành và có trách nhiệm trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ bất kỳ lúc nào để Bên A kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- Tổng hợp báo cáo ngày/tuần/tháng/năm về công tác bảo dưỡng sửa chữa liên quan đến NMD Cà Mau 1&2;
- Thống nhất với Bên A về phạm vi công việc và giá trị thực hiện hợp đồng cho từng khoảng thời gian 12 tháng tiếp sau khi kết thúc 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian xác nhận khối lượng hoàn thành trước ngày 10 của tháng tiếp theo. Đối với yêu cầu sửa chữa trong tháng (Service Request) thời gian tổng hợp được tính từ ngày 26 của tháng trước đến ngày 25 của tháng xác nhận khối lượng. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên được tính từ đầu đến cuối của tháng được xác nhận khối lượng.
- Thực hiện bảo trì, sửa chữa đối với hạng mục lắp đặt thêm phục vụ mục đích hợp lý hoá sản xuất.

Điều 9. Giá Hợp đồng

9.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá trị hợp đồng: Bao gồm các chi phí để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc được quy định tại Điều 3 và Phụ lục I của Hợp đồng này (đã bao gồm thuế GTGT) là: **46.964.818.613 VNĐ**.

(Chi tiết giá trị Hợp đồng được quy định tại Phụ lục II của Hợp đồng)

9.3. Hợp đồng này được thanh toán theo Quý, mỗi Quý thanh toán bằng ¼ giá trị hợp đồng.

Điều 10. Tạm ứng và thanh toán

Tạm ứng:

Sau khi hợp đồng có hiệu lực, trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá Hợp đồng. Số tiền tạm ứng sẽ khấu trừ dần tương ứng theo tỷ lệ 35% vào kỳ thanh toán thứ nhất, kỳ thanh toán thứ 2. Đến kỳ thanh toán lần thứ 3, Bên A sẽ thu hồi toàn bộ số tiền tạm ứng còn lại.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

- (01 bản gốc) Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- (01 bản sao) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- (01 bản gốc) Thư bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do ngân hàng thương mại được Bên A chấp thuận phát hành, có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi Bên A thu hồi hết tiền tạm ứng.

10.1 Thanh toán:

Sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý trước, Bên B gửi hồ sơ thanh toán chi phí trọn gói của quý trước liền kề. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A thanh toán cho Bên B chi phí trọn gói của quý trước liền kề sau khi đã trừ tạm ứng theo tỷ lệ.

Việc thanh toán Quý cuối cùng sẽ được thực hiện cùng với công tác quyết toán.

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + (01 bản gốc) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + (01 bản sao) Kế hoạch công việc tháng/Quý thực hiện được đại diện có thẩm quyền của Bên A ký xác nhận;
- + (01 bản gốc) Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tháng/Quý được Bên A xác nhận (trường hợp trong tháng/Quý có công việc chưa hoàn thành thì công việc đó sẽ được chuyển sang thực hiện trong tháng/Quý tiếp theo). Biên bản nghiệm thu trong đó thể hiện đầy đủ về khối lượng và chất lượng của công việc;
- + (01 bản gốc) Hóa đơn GTGT có giá trị bằng giá trị bảng tổng hợp thanh toán theo Quý;
- + (01 bản gốc) Biên bản phạt theo quy định tại Điều 17 của Hợp đồng (nếu có);
- + (01 bản gốc) Biên bản thống nhất giữa hai Bên xác nhận giá trị phát sinh giảm do thời gian ngừng máy trên 30 ngày (nếu có);
- + (01 bản gốc) Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (cho lần thanh toán cuối cùng);
- + (01 bản gốc) Thư bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang cho chất lượng dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, có giá trị 10% theo thanh lý hợp đồng, do ngân hàng được bên A chấp thuận phát hành với thời hạn bảo lãnh bảo hành 06 tháng kể từ ngày ngân hàng phát hành (cho lần thanh toán cuối cùng).

10.2 Thông tin xuất hóa đơn

Bên B xuất hoá đơn cho Bên A theo thông tin sau:

.....
.....
.....

Điều 11. Thuế và lệ phí

Bên B chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế, phí, lệ phí, giấy phép và các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

Điều 12. Quy định về an toàn sức khỏe môi trường

12.1 Nguyên tắc cơ bản

An toàn sức khỏe môi trường trong Hợp đồng này được hiểu là thành phần không tách rời của sản phẩm dịch vụ, thỏa mãn nhưng không giới hạn yêu cầu của pháp luật có liên quan và đáp ứng các yêu cầu của Bên A mà Bên B đã cam kết cung cấp tại Hợp đồng này.

Đồng thuận: Có quan điểm, chính sách về An toàn sức khỏe môi trường đồng thuận hướng tới Con người và Môi trường tốt đẹp hơn. Hai Bên cùng nhau cam kết thực hiện, quản lý thực hiện Hợp đồng phù hợp với chuẩn mực được công nhận về An toàn sức khỏe môi trường.

Sự tuân thủ: Đảm bảo mọi yêu cầu của Luật Việt Nam và các Công ước, Hiệp định Quốc tế mà Việt Nam tham gia, có hiệu lực về An toàn sức khỏe môi trường được đáp ứng. Bên A đề ra khung quy trình/quy định phù hợp với căn cứ trên, Bên B xây dựng quy trình/quy định cụ thể của mình nhằm kiểm soát sự tuân thủ đối với cán bộ nhân viên trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Việc vi phạm, xử lý vi phạm về An toàn sức khỏe môi trường do cá nhân, tổ chức có thẩm quyền xử phạt, thì lỗi của các Bên tự chịu và không tính vào giá trị Hợp đồng; Việc vi phạm của Bên B do Bên A xử phạt theo quy định mà Bên B đã cam kết thì thực hiện theo Điều 17 Hợp đồng này.

Sự thay đổi: Các Bên đảm bảo rằng mọi sự thay đổi hoặc sai khác phải được kiểm soát đầy đủ theo trình tự Bên B lập kế hoạch thực hiện – Bên A đồng ý chấp thuận, hoặc trình tự Bên A yêu cầu – Bên B lập kế hoạch thực hiện – Bên A đồng ý chấp thuận.

12.2 Kế hoạch và Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường

Những phạm vi công việc chủ yếu, cùng với quy định về kế hoạch cung cấp dịch vụ, Bên B phải xây dựng nội dung về an toàn sức khỏe môi trường, các nội dung này được thể hiện bằng nhiều văn bản gọi là Hồ sơ ATSKMT, trình Bên A đồng ý chấp thuận hoặc phê duyệt;

Các Bên sau quá trình thương thảo, thống nhất biểu mẫu thực hiện.

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B có trách nhiệm mua và duy trì bảo hiểm trách nhiệm bồi thường người lao động, bảo hiểm trách nhiệm phương tiện xe cơ giới của Bên B theo quy định của pháp luật.

Bên B có trách nhiệm trình cho Bên A các chứng từ bảo hiểm liên quan đến các đơn bảo hiểm (nếu có) của các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp của Bên B theo yêu cầu của Bên A.

Các chi phí liên quan đến trách nhiệm mua bảo hiểm của Bên B nêu trong Hợp đồng này do Bên B chịu.

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các đơn bảo hiểm bổ sung hoặc sửa đổi (nếu có) quy định trong Hợp đồng này trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thay đổi.

Điều 14. Nhà thầu phụ

Bên B được ký kết hợp đồng thuê các Nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc trong phạm vi công việc. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về số lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Bên B chỉ được thuê nhà thầu phụ khi có sự chấp thuận của bên A.

Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu phụ để thực hiện công việc được giao.

Điều 15. Công việc phát sinh

15.1. Phát sinh tăng

15.1.1. Nguyên tắc xử lý phát sinh tăng

Công việc được coi là phát sinh khi Bên A có công văn yêu cầu Bên B thực hiện các công việc ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng và/hoặc thuộc phạm vi phát sinh được quy định tại Phụ lục I.

Trong trường hợp khẩn cấp, do yêu cầu phải đưa thiết bị/ tổ máy/hệ thống vào vận hành, Bên A có thể yêu cầu trực tiếp bằng điện thoại để Bên B kịp thời thực hiện công việc, Sau đó, Bên A phải bổ sung yêu cầu chính thức bằng văn bản.

Công việc phát sinh sau khi thực hiện phải được Bên A nghiệm thu và xác nhận hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

15.1.2. Quy trình xử lý phát sinh tăng

Trong trường hợp có phát sinh tăng, hai Bên sẽ thực hiện theo Quy trình như sau:

- Tiếp nhận thông tin: Bên B tiếp nhận thông tin yêu cầu thực hiện công việc từ Bên A.
- Khảo sát, phân tích khả năng thực hiện công việc (bao gồm cả trường hợp đề nghị Bên B cung cấp vật tư thuộc trách nhiệm cung cấp của Bên A): Bên B khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc, lập phương án kỹ thuật, tiến độ thi công, dự trù vật tư, thiết bị và chào giá tổng chi phí dự kiến. Nếu công việc phát sinh bao gồm cả cung cấp vật tư thuộc trách nhiệm của Bên A thì Bên B cần gửi kèm báo giá vật tư đó.
- Bên A có trách nhiệm xem xét, phê duyệt Phương án kỹ thuật, tiến độ thi công và dự trù vật tư thiết bị đồng thời có xác nhận bằng văn bản về hình thức thanh toán gửi Bên B để làm cơ sở thực hiện.
- Chuẩn bị thi công: Bên B thực hiện các công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, thiết bị, máy thi công và nhân lực thi công khi được phép của Bên A.
- Thực hiện công việc: Bên B tiến hành thực hiện công việc đã được thống nhất với Bên A.

Nghiệm thu: Nghiệm thu quá trình thực hiện công việc theo đúng các quy trình hiện hành của Bên A và hợp đồng giữa các bên (nếu có).

15.1.3. Việc thanh toán phát sinh tăng.

- Bên B chịu trách nhiệm thực hiện công việc phát sinh trong phạm vi nêu tại Khoản 2.3, Mục 2, Phụ lục I của Hợp đồng.
- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phần chi phí phát sinh thuộc phạm vi nêu tại Khoản 2.3, Mục 2, Phụ lục I của Hợp đồng.
- Giá trị phát sinh sau khi xác định trách nhiệm của các Bên như nêu trên được thanh toán theo 1 trong 2 hình thức sau: thanh toán thực thanh thực chi căn cứ trên số công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ và các chi phí thuê mua ngoài thực tế của Bên B được Bên A xác nhận khi nghiệm thu hoàn thành; hoặc thanh toán trọn gói theo chào giá của Bên B.
- Trường hợp thanh toán phát sinh tăng theo hình thức thực thanh thực chi, đơn giá nhân công được quy định tại Phụ lục II.

15.1.4. Việc thanh toán phát sinh tăng được thực hiện định kỳ theo quý trên cơ sở ký kết sửa đổi bổ sung Hợp đồng giữa hai Bên. Các điều khoản điều kiện cụ thể sẽ được hai Bên thống nhất trong sửa đổi bổ sung Hợp đồng.

15.2. Phát sinh giảm:

15.2.1. Trong trường hợp có tổ máy/thiết bị/hệ thống dừng vận hành để xử lý sự cố/bất thường lớn (dẫn đến dừng cả tổ máy) từ 30 ngày trở lên/đợt dừng máy hoặc dừng theo kế hoạch từ 30 ngày trở lên/đợt dừng máy thì được coi là có phát sinh giảm. Thời gian tính phát sinh giảm từ ngày thứ 31 kể từ khi dừng máy tới khi lên máy trở lại.

Trong trường hợp này, giá trị phát sinh giảm được tính cho mỗi tổ máy bằng 25% chi phí trực tiếp thực hiện sửa chữa thường xuyên (1/4 của tổng chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ theo Phụ lục II – Bảng giá Hợp đồng) tương ứng với tỷ lệ thời gian có phát sinh giảm trong Quý. Cụ thể như sau:

$$G = g \times \frac{1}{4} \times (NC + VTTH + CCDC) \times \frac{N_{psg}}{N}$$

Trong đó:

G: Giá trị phát sinh giảm trong Quý thanh toán;

g: Tỷ lệ khấu trừ phát sinh giảm (bằng 25% cho mỗi tổ máy);

NC: Giá trị nhân công theo bản chào của Bên B (sau khi giảm giá – nếu có);

VTTH: Giá trị vật tư tiêu hao theo bản chào của Bên B (sau khi giảm giá – nếu có);

CCDC: Giá trị công cụ dụng cụ, máy thi công theo bản chào của Bên B (sau khi giảm giá – nếu có);

N_{psg} : Số ngày dừng máy được tính phát sinh giảm trong Quý: được tính từ ngày thứ 31 kể từ ngày bắt đầu dừng máy tới khi kết thúc đợt dừng máy tương ứng từ trường hợp thời gian phát sinh giảm kéo dài tới Quý sau. Nếu số ngày dừng máy được tính phát sinh giảm kéo dài sang Quý sau thì thời gian tính phát sinh giảm của đợt dừng máy đó được tính vào N_{psg} của Quý sau;

N: Số ngày dương lịch của kỳ thanh toán.

Giá trị phát sinh giảm trong Quý hai bên thống nhất tại biên bản và được khấu trừ vào giá trị thanh toán Quý đó.

15.2.2. Trong trường hợp Bên A đề xuất giảm phạm vi công việc sửa chữa thường xuyên so với phạm vi công việc quy định tại Hợp đồng đã ký kết hoặc các trường hợp phát sinh giảm khác, hai Bên sẽ ký kết Sửa đổi bổ sung Hợp đồng để thống nhất làm căn cứ thực hiện.

Điều 16. Bảo hành

16.1 Bảo hành sau sửa chữa thường xuyên, khắc phục sự cố.

(i) Đối với dịch vụ sau sửa chữa thường xuyên:

Thời gian bảo hành dịch vụ sửa chữa thường xuyên, khắc phục sự cố là 06 tháng kể từ khi hoàn thành hạng mục công việc.

Đối với thiết bị sau khắc phục sự cố không xác định thời gian bảo hành. Sự cố lặp lại trên cùng một thiết bị trong vòng một tháng do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu toàn bộ phần nhân công và vật tư tiêu hao. Sự cố lặp lại lần thứ hai trở đi trên cùng một thiết bị, trong vòng một tháng do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu toàn bộ phần nhân công và vật tư tiêu hao để sửa chữa thiết bị đó; và ngoài ra sẽ chịu phạt do vi phạm hợp đồng. Sự cố lặp lại mà nguyên nhân do thiết bị, vật tư Bên A cấp bị lỗi

hỏng và/hoặc không đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật thì Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành (trách nhiệm bảo hành thuộc Nhà cung cấp thiết bị, vật tư).

(ii) *Bảo hành vật tư, thiết bị thay mới do Bên B cấp (trường hợp được Bên A đồng ý).*

Thời gian bảo hành cho thiết bị lắp mới là 12 tháng kể từ ngày hai Bên ký biên bản nghiệm thu thiết bị hàng hóa.

Bên B phải đảm bảo sau khi nghiệm thu các thông số của thiết bị làm việc nằm trong phạm vi quy trình hiện hành và tài liệu kỹ thuật hoặc biên bản nghiệm thu kỹ thuật lần đầu.

Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ thiết bị kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Nếu trong thời gian bảo hành có bất kỳ chi tiết nào bị khiếm khuyết do hàng hoá cung cấp, lắp đặt thì Bên B phải hiệu chỉnh sửa chữa (hoặc thay thế nếu cần) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Trong thời gian bảo hành, nếu phải thay thế thiết bị nào thì thời gian bảo hành tính lại kể từ khi thay thế nhưng tổng thời gian không quá 18 tháng.

Trường hợp khi có hư hỏng thiết bị phát sinh do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình sửa chữa mà dẫn đến làm hỏng thiết bị phụ tùng và phải thay mới, thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định của hợp đồng.

16.2 Bồi thường do gây hư hỏng thiết bị

Trường hợp khi có hư hỏng thiết bị phát sinh do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình sửa chữa mà dẫn đến làm hỏng thiết bị vật tư phụ tùng của Bên A, thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 18 của Hợp đồng.

16.3 Điều kiện bảo hành

Việc bảo hành theo quy định tại mục 16.1 Điều này và các nghĩa vụ liên quan của Bên B được thực hiện với những điều kiện được quy định như sau :

- Bên A có trách nhiệm quản lý và vận hành Nhà máy theo đúng tài liệu O&M của OEM và các qui định hiện hành của ngành điện.
- Các thiết bị hư hỏng không phải (i) do thiết bị khác bị hỏng gây ra hoặc (ii) do các thiết bị/dịch vụ do Bên A tự thực hiện hoặc thuê bên thứ 3 thực hiện gây ra.
- Tất cả các hỏng hóc của Nhà máy phải được sửa chữa theo đúng qui định của OEM, thỏa thuận thống nhất của hai bên và các quy định hiện hành của ngành điện.
- Bên A sẽ không sử dụng bất cứ vật tư, thiết bị, phụ tùng nào nếu Bên A nhận ra hoặc nghi ngờ việc sử dụng này có thể gây ra nguy cơ làm hỏng vật tư.
- Dịch vụ sửa chữa thường xuyên thiết bị trong Nhà máy phải do Bên B thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 17. Phạt vi phạm Hợp đồng

17.1. Đảm bảo hiệu suất công việc:

Bên B phải đảm bảo tỷ lệ hoàn thành các hạng mục bảo dưỡng thường xuyên (PM) và bảo dưỡng đột xuất (CM) đã yêu cầu trong kỳ thanh toán > 90%, ngoại trừ các nguyên nhân do: Đợt ngừng máy hoặc cách ly/không có vật tư do Bên A cấp hoặc được Bên A chấp nhận gia hạn. Bên B chịu phạt 15.000.000 đồng cho mỗi 1% tổng số phiếu/lệnh công tác đã yêu cầu thực hiện trong kỳ thanh toán mà Bên B không hoàn thành.

Trong trường hợp Bên B không đảm bảo được hiệu suất công việc theo yêu cầu quá 6 lần/năm, Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng.

17.2. Phạt do chậm thực hiện công việc:

- Trường hợp xử lý các bất thường/sự cố trong giờ hành chính: Yêu cầu Bên B huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, công cụ dụng cụ phục vụ xử lý các bất thường/sự cố trong thời gian 60 phút sau khi nhận được yêu cầu từ Bên A. Nếu Bên B không đáp ứng thời gian huy động sẽ bị phạt 3.000.000 đồng/lần, từ lần thứ 4 sẽ bị phạt 4.500.000 đồng/lần và Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng tùy theo tính chất vi phạm của Bên B;
- Trường hợp xử lý các bất thường/sự cố ngoài giờ hành chính: Yêu cầu Bên B huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, công cụ dụng cụ phục vụ xử lý các bất thường/sự cố trong thời gian 120 phút sau khi nhận được yêu cầu từ Bên A. Nếu Bên B không đáp ứng thời gian huy động đến 3 lần sẽ bị phạt 15.000.000 đồng, từ lần thứ 4 sẽ bị phạt 22.500.000 đồng và Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng tùy theo tính chất vi phạm của Bên B;

17.3. Phạt do chậm hoàn thành công tác:

Ngoại trừ các nguyên nhân bất khả kháng hoặc được sự đồng ý của Bên A cho phép gia hạn, Bên B sẽ bị phạt 15.000.000 đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ hoàn thành công tác đối với mỗi công tác đã đăng ký;

17.4. Phạt vi phạm nghĩa vụ khác:

Ngoài các quy định trên đây nếu vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng, Bên B sẽ bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 18. Bồi thường

18.1 Nguyên tắc

Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A khi có thiệt hại xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B và các Nhà thầu phụ của Bên B. Giá trị bồi thường bằng giá trị thiệt hại thực tế trực tiếp được các bên xác nhận để khôi phục thiệt hại đó (loại trừ các thiệt hại được bồi thường theo các đơn bảo hiểm của Bên A).

18.2 Giới hạn trách nhiệm bồi thường

Mặc dù đã được quy định tại bất kỳ Điều khoản nào khác trong Hợp đồng này, không Bên nào kể cả các bên liên quan sẽ chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại gián tiếp bao gồm nhưng không giới hạn lỗi, chi phí vốn, tổn thất về uy tín hoặc bất cứ tổn thất tinh cờ hoặc đặc biệt nào.

Thêm vào đó, mặc dù đã được quy định tại bất kỳ Điều khoản nào khác trong Hợp đồng này, giới hạn trách nhiệm bởi mỗi Bên đối với Bên kia theo Hợp đồng này trên cơ sở mức bồi thường thiệt hại theo giá trị thiệt hại thực tế trừ đi giá trị được bảo hiểm. Các bên cũng đồng ý rằng việc từ bỏ quyền khiếu nại các trách nhiệm, các khoản bồi thường và giới hạn trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này sẽ tiếp tục được duy trì sau thời điểm hết hạn hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu cần thiết, Bên A hoặc Bên B được yêu cầu thay đổi, bổ sung các điều khoản, nội dung của Hợp đồng. Bên nhận yêu cầu có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi, bổ sung trong vòng mười bốn (14) ngày. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Hợp đồng phải được

hai Bên thống nhất, ký kết Phụ lục bổ sung phù hợp với hình thức và điều kiện quy định của Hợp đồng.

Hợp đồng được các bên thỏa thuận điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Khi Bên A thay đổi, điều chỉnh, bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp đồng.
- Điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Khi Nhà nước thay đổi chính sách, qui định có liên quan về thuế.
- Hoặc các trường hợp khác được hai Bên thống nhất.

Điều 20. Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng

20.1. Tạm ngừng Hợp đồng

Hợp đồng này sẽ tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo các quy định pháp luật có liên quan.

Hai bên được quyền tạm ngừng Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Một trong hai bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ trong Hợp đồng;
- Các trường hợp khác được 2 bên thống nhất.

Bên tạm ngừng Hợp đồng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng Hợp đồng, và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp Bên tạm ngừng không thông báo mà tạm ngừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

20.2. Chấm dứt Hợp đồng

a) Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;
- Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm theo quy định hiện hành về đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;
- Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Do Bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của một trong hai bên theo quy định Hợp đồng;
- Theo thỏa thuận của hai Bên.

b) Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo nguyên nhân đầu tiên tại điểm a khoản này, Bên A có thể ký hợp đồng với bên thứ 3 để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

c) Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo nguyên nhân thứ hai tại điểm a khoản này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

d) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập.
- Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Do Bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của một trong hai bên theo quy định Hợp đồng.
- Theo thỏa thuận của Hai Bên.

Việc chấm dứt Hợp đồng không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 21. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau:

- Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.
- Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy.

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được do bị cản trở bởi Bất khả kháng. Văn bản thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi ngay sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng thì các bên có quyền thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Khoản 20.2 Điều 20.

Điều 22. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A có văn bản gửi Bên B thông báo ngừng thực hiện công việc.

Điều 23. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam.

Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt, ngoại trừ một số tài liệu kỹ thuật có thể bằng tiếng Anh.

Điều 24. Bảo mật Hợp đồng

Hai Bên có trách nhiệm bảo mật và không tiết lộ các thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng ngoại trừ phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo pháp luật hiện hành. Bên B không được công bố hoặc cho phép công bố hay tiết lộ bất cứ thông tin, tài liệu nào về công tác cung cấp dịch vụ và Nhà máy bằng văn bản hay hình thức khác mà không có sự thỏa thuận trước của Bên A.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**25.1 Quyết toán**

Hàng năm, hai Bên có trách nhiệm quyết toán Hợp đồng sau khi hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm lập ba (03) bộ hồ sơ quyết toán Hợp đồng gửi Bên A, nội dung hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng, trong đó nêu rõ Bên B đã hoàn thành xong toàn bộ các công việc dở dang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng (không bao gồm các công việc chưa hoàn thành được do Bên A chưa cung cấp đủ điều kiện thực hiện);
- Biên bản xác nhận giá trị công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Biên bản xác nhận giá trị đã thực hiện tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng của các hợp đồng mà Bên B đã ký kết với bên thứ 3 thuộc phạm vi của Hợp đồng này nhưng chưa thực hiện xong (nếu có);
- Biên bản xác nhận khối lượng, tình trạng sử dụng, giá trị tồn kho, của toàn bộ các loại nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, dụng cụ,... đã được bàn giao/cho mượn từ Bên A để làm cơ sở bàn giao lại cho Bên A;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;
- Các tài liệu khác có liên quan...

25.2 Thanh lý Hợp đồng

Hai Bên sẽ thanh lý Hợp đồng sau khi kết thúc hoặc chấm dứt Hợp đồng, trừ trường hợp gia hạn.

25.3 Quyền và nghĩa vụ sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, hai Bên sẽ không còn nghĩa vụ và trách nhiệm nào theo Hợp đồng ngoại trừ:

- Các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm phát sinh trước đó hoặc phát sinh vào thời điểm ngay trước khi kết thúc thời hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng;
- Các nghĩa vụ phải bảo lưu (bảo hành, bảo mật...) được quy định trong Hợp đồng.

Điều 26. Điều khoản chung

26.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thông báo của một Bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày

Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

- 26.2. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản trên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng yêu cầu.
- 26.3. Bên A ủy quyền cho Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau ký các biên bản nghiệm thu, xác nhận về khối lượng, chất lượng công việc do Bên B thực hiện; nhận hồ sơ tạm ứng/thanh toán; nhận hoá đơn do Bên B xuất; xác nhận và cho phép triển khai thực hiện các công tác phát sinh, ký kết các biên bản nghiệm thu phát sinh và đề nghị thanh toán các công việc phát sinh.
- 26.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ... /... /.....
- 26.5. Hợp đồng được lập thành 8 bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 05 bộ, Bên B giữ 03 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Hà Nội, ngày tháng năm

Hợp đồng số: /PVP.TM.VA-PVPS/ /DV

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 cho giai đoạn 03 năm

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày tháng năm .

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính – phường Yên Hòa – quận Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại: Fax:

E-mail: info@pv-power.vn

Tài khoản: tại TTGD Hội sở - Ngân hàng

Mã số thuế:

Đại diện là: Ông

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: Fax:

Tài khoản: tại Ngân hàng

Mã số thuế:

Đại diện là: Ông

Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ngày tháng năm .

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 cho giai đoạn 03 năm, bao gồm các điều khoản Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.
- 1.2. "**Bên A**" là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PVPower).
- 1.3. "**Bên B**" là Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services/PVPS).
- 1.4. "**Hai Bên**" là Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Ngày**" là ngày dương lịch.
- 1.6. "**Nhà máy**" hoặc "**Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1**" là toàn bộ các hệ thống công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.
- 1.7. "**OEM**" (Original Equipment Manufacturer) là nhà chế tạo thiết bị gốc được lắp đặt, sử dụng trong Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.
- 1.8. "**Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên**" là thực hiện các công tác bảo dưỡng, sửa chữa duy tu nhỏ có tính chất thường xuyên, để duy trì, đưa các thiết bị/hệ thống thiết bị/tổ máy về trạng thái vận hành an toàn, ổn định đáp ứng những thông số theo tài liệu O&M và các quy định hiện hành và bao gồm cả sửa chữa thường kỳ theo tiêu chuẩn vận hành của thiết bị hoặc theo hướng dẫn của nhà chế tạo.
- 1.9. "**Sửa chữa định kỳ**" là thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch phù hợp với các thông số vận hành của nhà máy trên cơ sở các tài liệu O&M và các quy định hiện hành.
- 1.10. "**Sửa chữa sự cố**" là thực hiện các công tác sửa chữa ngoài kế hoạch, ngoài dự kiến, không thuộc khối lượng sửa chữa thường xuyên và sửa chữa định kỳ trên thiết bị hoặc trên hệ thống thiết bị sau khi có sự cố, bất thường gây hư hỏng cho thiết bị/hệ thống thiết bị.
- 1.11. "**Dụng cụ chuyên dùng**" là các trang thiết bị, dụng cụ chuyên dùng phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.
- 1.12. "**Vật tư thay thế**" là các vật tư, thiết bị phục vụ việc thay thế, khắc phục các bất thường, hư hỏng trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên.
- 1.13. "**Vật tư tiêu hao sửa chữa**" bao gồm các vật tư có tính chất hao mòn trong quá trình sử dụng, chỉ sử dụng một lần, nhỏ, lẻ phục vụ quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy, được quy định cụ thể tại Phụ lục HD 07 - Danh mục Vật tư tiêu hao phục vụ BDSC NMNĐ Vũng Áng 1.
- 1.14. "**Công việc**" là toàn bộ công tác cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên có liên quan đến Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 được Bên A giao.
- 1.15. "**Phát sinh**" là khối lượng công việc phải thực hiện nằm ngoài Phạm vi công việc và giá trị thực hiện công việc chưa được tính trong giá Hợp đồng.

- 1.16. "**An toàn sức khỏe môi trường**" Viết tắt : ATSKMT – Bao gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.
- 1.17. "**Thiết Bị Chính**": là bản thể các thiết bị sau: lò hơi, tuabin hơi, van hơi tuabin hơi; máy phát, bơm nước cấp, động cơ bơm nước cấp, tuabin dẫn động bơm nước cấp, bơm nước ngưng, động cơ bơm nước ngưng, bơm nước tuần hoàn làm mát chính, động cơ bơm tuần hoàn làm mát chính, quạt gió chính, động cơ quạt gió chính, quạt gió cấp 1, động cơ quạt gió cấp 1, quạt khói, động cơ quạt khói, quạt tăng áp, động cơ quạt khói, máy nghiền than, động cơ máy nghiền than. Để tránh nhầm lẫn, các hệ thống phụ trợ cho các thiết bị nêu trên thuộc về Thiết Bị Phụ.
- 1.18. "**Thiết Bị Phụ**" là toàn bộ các hệ thống/thiết bị Nhà Máy ngoại trừ các Thiết Bị Chính.
- 1.19. "**Nhân sự chủ chốt**" là các nhân sự bao gồm: Chỉ huy trưởng công trình hoặc phụ trách công trình, Cán bộ kỹ thuật, Tổ trưởng, Thợ hàn thiết bị chịu áp lực, Nhân sự thực hiện công tác thí nghiệm điện, NDT theo quy định của HSMT.

Các từ và thuật ngữ khác chưa định nghĩa trong phần này thì được hiểu như trong các văn bản pháp lý hiện hành của nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên như sau:

- 2.1. Hợp đồng (bao gồm các Điều khoản, Phụ lục Hợp đồng);
- 2.2. Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế của Bên A;
- 2.3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- 2.4. HSMT và các văn bản, tài liệu liên quan;
- 2.5. HSDT và các văn bản, tài liệu sửa đổi, làm rõ HSDT;
- 2.6. Các biểu mẫu, tài liệu có liên quan.

Điều 3. Phạm vi công việc

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 cho giai đoạn 03 năm (2023-2026) (bao gồm: Nhân công, vật tư tiêu hao sửa chữa, công cụ dụng cụ và các dịch vụ liên quan phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa) đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm lập kế hoạch/ thực hiện toàn bộ công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của Nhà máy theo đúng quy trình, tài liệu O&M, thiết kế của nhà chế tạo thiết bị hoặc biên bản nghiệm thu lần đầu và các quy định trong lĩnh vực điện, để đảm bảo Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 vận hành an toàn, liên tục, tin cậy, đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết bị. Nội dung chính bao gồm nhưng không giới hạn những công việc như sau:

Nội dung phạm vi công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên năm 2023-2026 NMD Vũng Áng 1 được quy định trong các tài liệu sau:

PHẦN 1: Miêu tả phạm vi công việc.

PHẦN 2: Danh mục các hệ thống thuộc phạm vi công việc.

PHẦN 3: Danh mục các công việc được coi là phát sinh tăng.

PHẦN 4: Danh mục, tần suất thực hiện các hoạt động bảo dưỡng chẩn đoán, ngăn ngừa, khắc phục bất thường.

Nhà thầu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên phải thực hiện tất cả các phạm vi công việc được nêu tại phần 1, phần 2 và phần 4.

Trong trường hợp có sự sai khác giữa nội dung của phần 3, và nội dung của phần 1, phần 2, phần 4 thì nội dung của phần 3 được xem xét ưu tiên.

Nội dung chi tiết của từng trách nhiệm trên quy định cụ thể tại các Phụ lục đính kèm.

Bên A có quyền thay đổi (giá trị Hợp đồng giảm đến 20%) các nội dung trong phạm vi công việc mà Bên B không có quyền từ chối. Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B trước khi thay đổi phạm vi công việc của Hợp đồng.

Đối với trường hợp tăng phạm vi công việc thì thực hiện theo nguyên tắc xử lý phát sinh tăng.

Bên B có quyền đề xuất thay đổi các nội dung phạm vi công việc, việc thay đổi, nếu có, phải được sự chấp thuận của PV Power.

Điều 4. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Hợp đồng: 36 tháng kể từ ngày .

Điều 5. Nhân sự thực hiện Hợp đồng

5.1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự chủ chốt như đã đề xuất trong HSDT. Đối với số lượng công nhân kỹ thuật, Bên B lập kế hoạch huy động thực hiện công tác BDSCTX trong từng tháng/quý để Bên A xem xét phê duyệt/chấp thuận trước khi thực hiện. Toàn bộ nhân sự đề xuất theo kế hoạch của Bên B phải đảm bảo luôn sẵn sàng tại hiện trường để thực hiện các công việc của Hợp đồng. Trường hợp Bên A lấy lại bất kỳ phạm vi công việc nào, thì nhân sự của Bên B sẽ được giảm số lượng tương ứng phạm vi công việc lấy lại. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Bên B phải báo cáo và được sự chấp thuận của Bên A. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. Mọi đề xuất thay đổi nhân sự không được làm phát sinh chi phí.

Trong trường hợp có tổ máy/thiết bị/hệ thống dừng vận hành để xử lý sự cố/bất thường lớn dẫn đến dừng cả tổ máy khi chưa tính phát sinh giảm, Bên A có quyền huy động và sử dụng số nhân sự tương ứng của Bên B để thực hiện các công tác sửa chữa phù hợp trong thời gian chưa tính phát sinh giảm. 5.2. Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan như HSDT

của Bên B;

- Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;

- Tuân thủ các quy trình an toàn của Bên A trong quá trình thực hiện.

5.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và các Nhà thầu phụ khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B và các Nhà thầu phụ vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;

- Có những biểu hiện không tốt về hành vi, hạnh kiểm (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, xâm phạm tài sản...); vi phạm pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương trở lên;

- Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng;

- Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;

- Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/hệ thống/thiết bị trở lại vận hành.

5.4. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn 20 ngày làm việc kể từ ngày có Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng.

6.2. Bên B cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

6.3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 04% giá hợp đồng (tương ứng với số tiền là **9.273.799.500 VND**).

6.4. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phát hành nhưng không muộn hơn 20 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực trong thời gian 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài, Bên B có trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tới ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành.

6.5. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

6.6. Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 15 ngày làm việc mà Bên B vẫn chưa nộp

cho Bên A bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 05 ngày làm việc. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

7.1. Quyền của Bên A

- Kiểm tra/giám sát mọi hoạt động của Bên B tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp các tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai Hợp đồng;
- Xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa theo tháng/quý/năm của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 trên cơ sở đề xuất của Bên B;
- Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này ;
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng;
- Nhận lại một phần công việc sửa chữa thường xuyên thuộc phạm vi công việc từ thời điểm có thông báo bằng văn bản cho Bên B với tổng giá trị phần nhận lại không vượt quá 20% giá trị Hợp đồng. Giá trị phần nhận lại của Chủ đầu tư được tính trên cơ sở tỷ trọng khối lượng nhân công phần nhận lại và tổng số lượng nhân công trong dự toán của Chủ đầu tư.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A

- Cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu cần thiết, phù hợp để Bên B thực hiện các yêu cầu của Bên A;
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này và các quy định có liên quan khác;
- Giao cho bên B quản lý và sử dụng các công cụ dụng cụ chuyên dùng (có danh mục cụ thể tại Phụ lục HĐ 05), các tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì sửa chữa được cấp theo hợp đồng EPC;
- Bố trí các điểm tập kết rác thải để Bên B tập kết theo đúng quy định và Bên A sẽ chịu trách nhiệm xử lý rác thải theo luật định.
- Cung cấp một số lượng tối đa phòng ở nhà công vụ (theo số lượng mà Bên A có thể bố trí được) cho Bên B với các nội dung cụ thể theo Thỏa thuận sử dụng nhà công vụ ký giữa Bên B và Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

8.1. Quyền của Bên B

- Tổ chức thực hiện các Công việc được quy định trong Hợp đồng này, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn.
- Được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan, công cụ dụng cụ chuyên dùng theo Phụ lục số 05 để phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy;
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Đề xuất sáng kiến, cải tiến, cải tạo hợp lý hóa sản xuất trên cơ sở phù hợp với các tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn của Nhà chế tạo thiết bị;
- Bố trí cho cán bộ công nhân viên thực hiện công tác SCTX tại NMD Vũng Áng 1 sử dụng nhà công vụ của Bên A theo số lượng nhà công vụ mà Bên B và Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh đã thống nhất;
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B

- Duy trì bộ máy nhân sự, đảm bảo đầy đủ công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ để gia hạn thực hiện dịch vụ sửa chữa thường xuyên khi Bên A có yêu cầu với chất lượng dịch vụ không thay đổi so với Hợp đồng này. Nhân sự theo kế hoạch quý/tháng của Bên B phải đảm bảo luôn sẵn sàng tại hiện trường để thực hiện các công việc của Hợp đồng;
- Trước ngày 25 hàng tháng/quý, Bên B trình Bên A (hoặc đại diện bên A ủy quyền) xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa chữa tháng/quý tiếp theo của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 trên cơ sở thực tế, tài liệu O&M;
- Thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy tuân thủ theo Quy định hệ thống điện truyền tải, Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện, Hồ sơ/tài liệu kỹ thuật của Nhà máy, Quy định về bảo dưỡng sửa chữa của nhà chế tạo, các văn bản pháp lý có liên quan và theo quy định tại Hợp đồng;
- Lập quy trình phối hợp với PV Power Hà Tĩnh trong công tác bảo trì sửa chữa NMD Vũng Áng 1 được quy định chi tiết của Hợp đồng;
- Lập quy trình, các biểu mẫu nghiệm thu trình Bên A phê duyệt ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực;
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A đầy đủ các tài liệu liên quan đến công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
- Đánh giá các rủi ro trong quá trình bảo trì bảo dưỡng và đưa ra biện pháp phòng ngừa và chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an ninh, sức khỏe và tuân thủ qui định bảo vệ môi trường tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 trong quá trình triển khai bảo trì sửa chữa. Quy định của Hợp đồng;

- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện theo tài liệu O&M;
- Thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố;
- Lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định;
- Tổ chức lựa chọn và ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp theo quy định của Hợp đồng này;
- Lập hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định;
- Chịu trách nhiệm cuối cùng về các phần việc được thực hiện bởi Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp của Bên B;
- Tổng hợp báo cáo ngày/tuần/tháng/năm về công tác bảo dưỡng sửa chữa liên quan đến Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
- Chấp nhận và hoàn thiện bàn giao tình trạng sửa chữa một phần hoặc toàn bộ hệ thống nhiên liệu cho Bên A thực hiện kể từ Tháng tiếp theo thời điểm Bên A có văn bản yêu cầu gửi cho Bên B;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chi phí liên quan tới nhà công vụ của Bên A theo các nội dung cụ thể tại Thỏa thuận sử dụng nhà công vụ ký giữa Bên B và Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (nếu có);

Điều 9. Giá Hợp đồng

9.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2 Giá trị hợp đồng:

Bao gồm các chi phí phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên (chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ và các chi phí khác) để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc được quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng này (đã bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan) là: **231.844.987.491 VND**

Bằng chữ : Hai trăm ba mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm chín một đồng.

Chi tiết giá trị Hợp đồng được quy định tại **Phụ lục HD 02: Bảng giá Hợp đồng**

9.3. Hợp đồng này được thanh toán theo quý.

Điều 10. Tạm ứng và thanh toán

10.1 Tạm ứng:

Hàng năm, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị của năm hợp đồng tương ứng (tương đương với số tiền là **7.728.166.250 VND**) trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tạm ứng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi dần vào các 3 kỳ thanh toán đầu của mỗi năm theo tỷ lệ 35% vào kỳ thanh toán thứ nhất, kỳ thanh toán thứ 2 và 30% kỳ thanh toán lần thứ 3.

Hồ sơ đề nghị tạm ứng bao gồm:

- + (01 bản gốc) Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- + (01 bản sao) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- + (01 bản gốc) Thư bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do ngân hàng thương mại được Bên A chấp thuận phát hành, có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi Bên A thu hồi hết tiền tạm ứng.

10.2 Thanh toán:

Sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý trước, Bên B gửi hồ sơ thanh toán chi phí trọn gói của quý trước liền kề. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A thanh toán cho Bên B chi phí thực hiện của quý trước liền kề (đã bao gồm phát sinh giảm) sau khi đã trừ tạm ứng theo tỷ lệ.

Việc thanh toán Quý cuối cùng của mỗi năm sẽ được thực hiện cùng với công tác quyết toán giá trị của từng năm; quý cuối cùng của năm thứ 3 sẽ quyết toán giá trị tổng thể của cả 03 năm thực hiện hợp đồng trên cơ sở giá trị quyết toán hàng năm đã thực hiện

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + (01 bản gốc) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + (01 bản gốc) Bảng tổng hợp giá trị thanh toán theo Quý được đại diện có thẩm quyền của 2 bên ký xác nhận;
- + (01 bản sao) Kế hoạch công việc tháng/Quý thực hiện được đại diện có thẩm quyền của Bên A ký xác nhận;
- + (01 bản gốc) Biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ hoàn thành tháng/Quý được Bên A xác nhận (trường hợp trong tháng/Quý có công việc chưa hoàn thành thì công việc đó sẽ được chuyển sang thực hiện trong tháng/Quý tiếp theo);
- + (01 bản gốc) Hóa đơn GTGT có giá trị bằng giá trị bảng tổng hợp thanh toán theo Quý;
- + (01 bản gốc) Biên bản phạt theo quy định của Hợp đồng (nếu có);
- + (01 bản gốc) Biên bản thống nhất giữa hai bên xác nhận giá trị phát sinh giảm (nếu có);
- + (01 bản gốc) Biên bản quyết toán giá trị năm hợp đồng cho lần thanh toán cuối cùng của mỗi năm hợp đồng) và thanh lý hợp đồng (cho lần thanh toán cuối cùng của năm hợp đồng thứ 3);
- + (01 bản gốc) Thư bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang cho chất lượng dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, có giá trị 10% theo thanh lý hợp đồng, do ngân hàng được Bên A chấp thuận phát hành với thời hạn bảo lãnh bảo hành 06 tháng kể từ ngày ngân hàng phát hành (cho lần thanh toán cuối cùng của năm hợp đồng thứ 3).

10.3 Thông tin xuất hóa đơn

Bên B xuất hoá đơn cho Bên A theo thông tin sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Đại chỉ: Xóm Hải Phong, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Mã số thuế: 0102276173-007;

Điều 11. Thuế và lệ phí

Bên B chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế, phí, lệ phí, giấy phép và các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện công việc Hợp đồng.

Toàn bộ thuế, phí và lệ phí liên quan đến việc thực hiện công việc của Hợp đồng được Bên A thanh toán theo chứng từ hợp lệ, phù hợp với quy định hiện hành.

Bất cứ thay đổi nào liên quan đến thuế, phí và lệ phí sau ngày hiệu lực Hợp đồng sẽ được Hai Bên điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 12. Quy định về an toàn sức khỏe môi trường

12.1 Nguyên tắc cơ bản

An toàn sức khỏe môi trường trong Hợp đồng này được hiểu là thành phần không tách rời của sản phẩm dịch vụ, thỏa mãn nhưng không giới hạn yêu cầu của pháp luật có liên quan và đáp ứng các yêu cầu của Bên A mà Bên B đã cam kết cung cấp tại Hợp đồng này;

Đồng thuận: Có quan điểm, chính sách về An toàn sức khỏe môi trường đồng thuận hướng tới Con người và Môi trường tốt đẹp hơn. Hai Bên cùng nhau cam kết thực hiện, quản lý thực hiện Hợp đồng phù hợp với chuẩn mực được công nhận về An toàn sức khỏe môi trường tại Phụ lục của Hợp đồng này;

Sự tuân thủ: Đảm bảo mọi yêu cầu của Luật Việt Nam và các Công ước, Hiệp định Quốc tế mà Việt Nam tham gia, có hiệu lực về An toàn sức khỏe môi trường được đáp ứng. Bên A đề ra khung quy trình/quy định phù hợp với căn cứ trên, Bên B xây dựng quy trình/quy định cụ thể của mình nhằm kiểm soát sự tuân thủ đối với cán bộ nhân viên trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Việc vi phạm, xử lý vi phạm về An toàn sức khỏe môi trường do cá nhân, tổ chức có thẩm quyền xử phạt, thì lỗi của các Bên tự chịu và không tính vào giá trị Hợp đồng; Việc vi phạm của Bên B do Bên A xử phạt theo quy định mà Bên B đã cam kết thì thực hiện theo **Điều 17** Hợp đồng này;

Sự thay đổi: Các Bên đảm bảo rằng mọi sự thay đổi hoặc sai khác phải được kiểm soát đầy đủ theo trình tự Bên B lập kế hoạch thực hiện – Bên A đồng ý chấp thuận, hoặc trình tự Bên A yêu cầu – Bên B lập kế hoạch thực hiện – Bên A đồng ý chấp thuận;

12.2 Kế hoạch và Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường

Những phạm vi công việc chủ yếu, cùng với quy định về kế hoạch cung cấp dịch vụ, Bên B phải xây dựng nội dung về an toàn sức khỏe môi trường, các nội dung này được thể hiện bằng nhiều văn bản gọi là Hồ sơ ATSKMT, trình Bên A đồng ý chấp thuận hoặc phê duyệt;

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B có trách nhiệm mua và duy trì bảo hiểm trách nhiệm bồi thường người lao động, bảo hiểm trách nhiệm phương tiện xe cơ giới của Bên B theo quy định của pháp luật.

Bên B có trách nhiệm trình cho Bên A các chứng từ bảo hiểm liên quan đến các đơn bảo hiểm (nếu có) của các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp của Bên B theo yêu cầu của Bên A.

Các chi phí liên quan đến trách nhiệm mua bảo hiểm của Bên B nêu trong Hợp đồng này do Bên B chịu.

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các đơn bảo hiểm bổ sung hoặc sửa đổi (nếu có) quy định trong Hợp đồng này trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thay đổi.

Điều 14. Nhà thầu phụ

Bên B được ký kết hợp đồng thuê các Nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc trong phạm vi công việc. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp Hàng hóa và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Bên B chỉ được thay thế nhà thầu phụ khi có sự chấp thuận của Bên A.

Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ phải cung cấp các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu phụ để thực hiện công việc được giao.

Điều 15. Công việc phát sinh

15.1. Phát sinh tăng

15.1.1. Nguyên tắc xử lý phát sinh tăng

- Công việc được coi là phát sinh khi Bên A có công văn yêu cầu Bên B thực hiện các công việc ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng và/hoặc thuộc phạm vi phát sinh được quy định tại Phụ lục HĐ 01: Phạm vi công việc của hợp đồng.
- Trong trường hợp những vật tư thuộc phạm vi Bên A cấp nhưng Bên A không đáp ứng được kịp thời mà Bên B cung cấp được thì 2 bên thống nhất làm biên bản xác nhận và xử lý theo quy trình xử lý phát sinh để làm cơ sở cho Bên B cấp và thanh toán sau này.

Trong trường hợp khẩn cấp, do yêu cầu phải đưa thiết bị/ tổ máy/hệ thống vào vận hành, Bên A có thể yêu cầu trực tiếp bằng điện thoại để Bên B kịp thời thực hiện công việc, Sau đó, Bên A phải bổ sung yêu cầu chính thức bằng văn bản.

Công việc phát sinh sau khi thực hiện phải được Bên A nghiệm thu và xác nhận hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

15.1.2. Quy trình xử lý phát sinh tăng

Các công việc được quy định tại PHẦN 3: Danh mục các công việc được coi là phát sinh tăng của Phụ lục HĐ 01 Hợp đồng này là phát sinh tăng. Trong trường hợp có phát sinh tăng, hai Bên sẽ thực hiện theo Quy trình như sau:

- Tiếp nhận thông tin: Bên B tiếp nhận thông tin yêu cầu thực hiện công việc từ Bên A.
- Khảo sát, phân tích khả năng thực hiện công việc (bao gồm cả trường hợp đề nghị Bên B cung cấp vật tư thuộc trách nhiệm cung cấp của Bên A): Bên B khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc, lập phương án kỹ thuật, tiến độ thi công, dự trù vật tư, thiết bị và chào giá tổng chi phí dự kiến. Nếu công việc phát sinh bao gồm cả cung cấp vật tư thuộc trách nhiệm của Bên A thì Bên B cần gửi kèm báo giá vật tư đó.
- Bên A có trách nhiệm xem xét, phê duyệt Phương án kỹ thuật, tiến độ thi công và dự trù vật tư thiết bị đồng thời có xác nhận bằng văn bản về hình thức thanh toán gửi Bên B để làm cơ sở thực hiện.
- Chuẩn bị thi công: Bên B thực hiện các công tác chuẩn bị vật tư, vật liệu, thiết bị, máy thi công và nhân lực thi công khi được phép của bên A.
- Thực hiện công việc: Bên B tiến hành thực hiện công việc đã được thống nhất với bên A.
- Nghiệm thu: Nghiệm thu quá trình thực hiện công việc theo đúng các quy trình hiện hành của Bên A và hợp đồng giữa các bên (nếu có).
- Giá trị phát sinh có thể được thanh toán theo 1 trong 2 hình thức sau: thanh toán thực thanh thực chi căn cứ trên số công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ và các chi phí thuê mua ngoài thực tế của Bên B được Bên A xác nhận khi nghiệm thu hoàn thành; hoặc thanh toán trọn gói theo chào giá của Bên B.
- Trường hợp thanh toán phát sinh tăng theo hình thức thực thanh thực chi, đơn giá nhân công trực tiếp thực hiện theo đơn giá trong HSĐT của nhà thầu (chưa bao gồm VAT). Đơn giá nói trên chỉ áp dụng trong trường hợp hai Bên thống nhất thanh toán chi phí của hạng mục phát sinh tăng theo chi phí thực tế.

15.1.3. Đối với khối lượng giàn giáo phục vụ công tác $>100m^3$, Bên B có trách nhiệm huy động tập kết đầy đủ khối lượng giàn giáo cần thiết đến hiện trường trong vòng tối đa không quá 3 ngày, kể từ ngày Bên A phê duyệt các nội dung sau:

- Phạm vi công việc;
- Biện pháp thi công;
- Biên bản thống nhất (hoặc Hợp đồng nguyên tắc tùy theo từng trường hợp) giữa 2 bên xác nhận khối lượng dự kiến, đơn giá và hình thức nghiệm thu thanh toán.

15.1.4. Việc thanh toán phát sinh tăng được thực hiện định kỳ theo Quý trên cơ sở ký kết Sửa đổi bổ sung Hợp đồng giữa 02 bên. Các điều kiện, điều khoản cụ thể sẽ được 02 bên thống nhất trong Sửa đổi bổ sung Hợp đồng.

15.2. Phát sinh giảm:

15.2.1. Trong trường hợp có tổ máy/thiết bị/hệ thống dừng vận hành để xử lý sự cố/bất thường lớn (dẫn đến dừng cả tổ máy) từ 30 ngày trở lên/đợt dừng máy hoặc dừng theo kế hoạch từ 30 ngày trở lên/đợt dừng máy thì được coi là có phát sinh giảm về hạng mục công việc. Thời gian tính phát sinh giảm từ ngày thứ 31 kể từ khi dừng máy tới khi lên máy trở lại hoặc theo thỏa thuận khác của các bên.

Trong trường hợp này, giá trị phát sinh giảm được tính là 33% (nếu dừng 01 tổ) hoặc 66% (nếu dừng 02 tổ) chi phí trực tiếp thực hiện sửa chữa thường xuyên (1/12 của tổng chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ theo bản chào của Bên B sau khi giảm giá – nếu có) tương ứng với tỷ lệ thời gian có phát sinh giảm trong Tháng. Cụ thể như sau:

$$G = g \times \frac{1}{12} \times (NC + VTTH + CCDC) \times \frac{N_{psg}}{N}$$

Trong đó:

G: Giá trị phát sinh giảm trong Tháng thanh toán;

g: Tỷ lệ khấu trừ phát sinh giảm (bằng 33% nếu dừng 01 tổ hoặc 66% nếu dừng 02 tổ);

NC: Giá trị nhân công theo bản chào của Bên B (sau khi giảm giá – nếu có);

VTTH: Giá trị vật tư tiêu hao theo bản chào của Bên B (sau khi giảm giá – nếu có);

CCDC: Giá trị công cụ dụng cụ, máy thi công theo bản chào của Bên B (sau khi giảm giá – nếu có);

N_{psg} : Số ngày dừng máy được tính phát sinh giảm trong Tháng: được tính từ ngày thứ 31 kể từ ngày bắt đầu dừng máy tới khi kết thúc đợt dừng máy tương ứng trừ trường hợp thời gian phát sinh giảm kéo dài tới Tháng sau. Nếu số ngày dừng máy được tính phát sinh giảm kéo dài sang Tháng sau thì thời gian tính phát sinh giảm của đợt dừng máy đó được tính vào N_{psg} của Tháng sau;

N: Số ngày dương lịch của kỳ thanh toán.

Giá trị phát sinh giảm trong Tháng được khấu trừ vào giá trị thanh toán tháng đó.

Trong thời gian SCDK, số nhân sự tương ứng sẽ được bên A bố trí sử dụng cho các công tác sửa chữa phù hợp trong thời gian 31 ngày chưa bị giảm trừ.

15.2.2. Trong trường hợp Bên A nhận lại một phần phạm vi công việc sửa chữa thường xuyên ngoài phạm vi điểm 15.2.2 của Điều này hoặc các trường hợp phát sinh giảm khác, hai Bên sẽ ký kết Sửa đổi bổ sung Hợp đồng để thống nhất mức phát sinh giảm làm căn cứ thực hiện.

15.2.3. Trường hợp Bên A yêu cầu thực hiện một số công việc hoặc toàn bộ khi tổ máy chưa lên máy trở lại thì tính theo phát sinh tăng cho phần công thực hiện theo quy định của Hợp đồng (vẫn tính phát sinh giảm cho toàn bộ tổ máy theo quy định tại mục 15.2.1)

Điều 16. Bảo hành

16.1 Bảo hành dịch vụ sau sửa chữa thường xuyên, khắc phục sự cố.

(i) Đối với dịch vụ sau sửa chữa thường xuyên:

Thời gian bảo hành dịch vụ sửa chữa thường xuyên, khắc phục sự cố là 6 tháng kể từ khi hoàn thành hạng mục công việc.

Đối với thiết bị sau khắc phục sự cố không xác định thời gian bảo hành. Sự cố lặp lại trên cùng một thiết bị trong vòng một tháng do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu toàn bộ phần nhân công và vật tư tiêu hao. Sự cố lặp lại lần thứ hai trở đi trên cùng một thiết bị, trong vòng một tháng do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu toàn bộ phần nhân công và vật tư tiêu hao để sửa chữa thiết bị đó; và ngoài ra sẽ chịu phạt do vi phạm hợp đồng. Sự cố lặp lại mà nguyên nhân do thiết bị, vật tư Bên A cấp bị lỗi hỏng và/hoặc không đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật thì Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành (trách nhiệm bảo hành thuộc Nhà cung cấp thiết bị, vật tư).

(ii) Bảo hành vật tư, thiết bị thay mới do bên Bên B cấp (Trường hợp được Bên A đồng ý).

Thời gian bảo hành cho thiết bị lắp mới là 12 tháng.

Bên B phải đảm bảo sau khi nghiệm thu các thông số của thiết bị làm việc nằm trong phạm vi quy trình hiện hành và tài liệu kỹ thuật hoặc biên bản nghiệm thu kỹ thuật lần đầu.

Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ thiết bị kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Nếu trong thời gian bảo hành có bất kỳ chi tiết nào bị khiếm khuyết do hàng hoá cung cấp, lắp đặt thì Bên B phải hiệu chỉnh sửa chữa (hoặc thay thế nếu cần) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Trong thời gian bảo hành, nếu phải thay thế thiết bị nào thì thời gian bảo hành tính lại kể từ khi thay thế nhưng tổng thời gian không quá 18 tháng.

Trường hợp khi có hư hỏng thiết bị phát sinh do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình sửa chữa mà dẫn đến làm hỏng thiết bị phụ tùng và phải thay mới, thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định của hợp đồng.

16.2 Bồi thường do gây hư hỏng thiết bị

Trường hợp khi có hư hỏng thiết bị phát sinh do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình sửa chữa mà dẫn đến làm hỏng thiết bị vật tư phụ tùng của Bên A, thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 17, Điều 18 của Hợp đồng.

16.3 Điều kiện bảo hành/bồi thường

Việc bảo hành/bồi thường theo quy định tại mục 16.1, 16.2 Điều này và các nghĩa vụ liên quan của Bên B được thực hiện với những điều kiện được quy định như sau :

- Bên A có trách nhiệm quản lý và vận hành Nhà máy theo đúng tài liệu O&M của OEM và các qui định hiện hành của ngành Điện ;
- Các thiết bị hư hỏng không phải (*) do thiết bị khác bị hỏng gây ra hoặc (**) do các thiết bị/dịch vụ do Bên A tự thực hiện hoặc thuê Bên B khác thực hiện gây ra ;
- Tất cả các hỏng hóc của Nhà máy phải được sửa chữa theo đúng qui định của OEM, thỏa thuận thống nhất của hai bên và các quy định hiện hành của ngành Điện ;
- Bên A sẽ không sử dụng bất cứ vật tư, thiết bị, phụ tùng nào nếu Bên A nhận ra hoặc nghi ngờ việc sử dụng này có thể gây ra nguy cơ làm hỏng vật tư ;
- Dịch vụ sửa chữa thiết bị trong Nhà máy phải do Bên B thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này ;

Điều 17. Phạt vi phạm Hợp đồng

Giá trị phạt cụ thể trong Tháng theo quy định tại các khoản 17.1, 17.2, 17.3 và 17.4 của Điều 17 này được hai bên thống nhất ghi nhận trong biên bản phạt và được khấu trừ vào giá trị thanh toán của quý đó.

17.1. Đảm bảo hiệu suất công việc:

Bên B phải đảm bảo tỷ lệ hoàn thành các phiếu/lệnh công tác đã thống nhất trong tháng $\geq 90\%$, ngoại trừ các nguyên nhân do: Đợt ngừng máy hoặc cách ly/không có vật tư do bên A cấp hoặc được bên A chấp nhận gia hạn. Bên B chịu phạt 15.000.000 đồng cho mỗi 1% tổng số phiếu/lệnh công tác (từ mức 90% trở xuống) đã thống nhất thực hiện trong tháng mà Bên B không hoàn thành.

Trong trường hợp bên B không đảm bảo được hiệu suất công việc theo yêu cầu quá 6 lần/năm, Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng.

17.2. Phạt do chậm thực hiện công việc:

- Trường hợp xử lý các bất thường/sự cố trong giờ hành chính (Bên A phát các Yêu cầu công việc – SR trên phần hệ thống CMMS): Yêu cầu bên B huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, công cụ dụng cụ phục vụ xử lý các bất thường/sự cố trong thời gian 60 phút sau khi nhận được yêu cầu từ bên A. Nếu bên B không đáp ứng thời gian huy động sẽ bị bên B phạt 3.000.000 đồng/lần, từ lần thứ 4 sẽ bị phạt 4.500.000 đồng/lần và bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng tùy theo tính chất vi phạm của bên B;

- Trường hợp xử lý các bất thường/sự cố ngoài giờ hành chính (Bên A yêu cầu bằng cuộc gọi điện thoại/tin nhắn/lệnh bộ đàm của Trưởng Ca vận hành): Yêu cầu bên B huy động đầy đủ nhân sự phù hợp, công cụ dụng cụ phục vụ xử lý các bất thường/sự cố trong thời gian 120 phút sau khi nhận được yêu cầu từ bên A. Nếu bên B không đáp ứng thời gian huy động đến 3 lần sẽ bị bên B phạt 15.000.000 đồng, từ lần thứ 4 sẽ bị phạt 22.500.000 đồng và bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng tùy theo tính chất vi phạm của bên B;

- Bên A phải lập sổ theo dõi thời gian đáp ứng yêu cầu huy động nhân sự để khảo sát, lên phương án xử lý các bất thường/sự cố của Bên B trong đó ghi rõ thời gian phát SR/gọi điện/nhắn tin/lệnh bộ đàm và thời gian nhân sự của Bên B có mặt thực hiện yêu cầu của Bên A và phải có đầy đủ chữ ký xác nhận của Hai bên cho mỗi yêu cầu huy động nhân sự.

17.3. Phạt do chậm hoàn thành công tác:

Ngoại trừ các nguyên nhân bất khả kháng hoặc được sự đồng ý của bên A cho phép gia hạn, bên B sẽ bị phạt 15.000.000 đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ hoàn thành công tác đối với mỗi công tác đã đăng ký;

17.4. Phạt vi phạm các nghĩa vụ hợp đồng khác:

Bên B sẽ bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

17.5. Phạt chậm thanh toán:

Bên A sẽ bị phạt chậm thanh toán với mức phạt bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng trả sau cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB), thời gian chậm trả tính từ ngày thứ 31 kể từ khi Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán chính xác, hợp lệ.

Điều 18. Bồi thường

18.1 Nguyên tắc

Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A khi có thiệt hại xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B và các Nhà thầu phụ của bên B, Nhà cung cấp của Bên B. Giá trị bồi thường bằng giá trị thiệt hại thực tế trực tiếp được các bên xác nhận để khôi phục thiệt hại đó (loại trừ các thiệt hại được bồi thường theo các đơn bảo hiểm của Bên A)

Thiệt hại thực tế trực tiếp được thực hiện theo các quy định tại các khoản 16.2, 16.3 Điều 16 nêu trên.

18.2 Giới hạn trách nhiệm bồi thường

Mặc dù đã được quy định tại bất kỳ Điều khoản nào khác trong Hợp đồng này, không Bên nào kể cả các bên liên quan sẽ chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại gián tiếp bao gồm nhưng không giới hạn lỗ, chi phí vốn, tổn thất về uy tín hoặc bất cứ tổn thất tình cờ hoặc đặc biệt nào.

Thêm vào đó, mặc dù đã được quy định tại bất kỳ Điều khoản nào khác trong Hợp đồng này, giới hạn trách nhiệm bởi mỗi Bên đối với Bên kia theo Hợp đồng này trên cơ sở mức bồi thường thiệt hại theo giá trị thiệt hại thực tế trừ đi giá trị được bảo hiểm. Các bên cũng đồng ý rằng việc từ bỏ quyền khiếu nại các trách nhiệm, các khoản bồi thường và giới hạn trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này sẽ tiếp tục được duy trì sau thời điểm hết hạn hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn.

18.3 Giới hạn Trách nhiệm của các Bên và các bên liên quan

Trừ trường hợp được quy định tại khoản 18.2 Điều này, Hai Bên hiểu và thống nhất rằng:

(i) Sẽ không có trách nhiệm cá nhân theo Hợp đồng đối với bất kỳ bên nào bao gồm cả bên thứ 3 đối với khoản thanh toán đến hạn theo Hợp đồng; hoặc đối với việc thực hiện của bất cứ nghĩa vụ nào của các bên;

(ii) Mỗi bên sẽ chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản của mình đối với trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này và sửa chữa các vi phạm theo quy định của Hợp đồng; và

(iii) Các Bên đồng ý rằng sẽ không thực hiện hoặc nhân danh bên nào đó để thực hiện khiếu kiện chống lại Bên kia hoặc bên liên quan đối với bất kỳ hành động hoặc không hành động nào theo Hợp đồng này của các Bên, bên liên quan, nhân viên, giám đốc, đại lý, đại diện hoặc chi nhánh của họ.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu cần thiết, Bên A hoặc Bên B được yêu cầu thay đổi, bổ sung các điều khoản, nội dung của Hợp đồng. Bên nhận yêu cầu có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi, bổ sung trong vòng mười bốn (14) ngày. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Hợp đồng phải được hai Bên thống nhất, ký kết Phụ lục bổ sung phù hợp với hình thức và điều kiện quy định của Hợp đồng.

Hợp đồng được các bên thỏa thuận điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Khi Bên A thay đổi, điều chỉnh, bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp đồng.
- Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.
- Khi Nhà nước thay đổi chính sách, qui định có liên quan về thuế.
- Hoặc các trường hợp khác được Hai Bên thống nhất.

Điều 20. Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng

20.1. Tạm ngừng Hợp đồng

Hợp đồng này sẽ tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Bên A được quyền tạm ngừng Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B vi phạm cơ bản nghĩa vụ trong Hợp đồng;
- Các trường hợp khác được 2 bên thống nhất

Bên tạm ngừng Hợp đồng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng Hợp đồng, và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp Bên tạm ngừng không thông báo mà tạm ngừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

20.2. Chấm dứt Hợp đồng

a) Bên A có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;
- Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;
- Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Do Bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của một trong hai bên theo quy định Hợp đồng.
- Theo thỏa thuận của Hai Bên.

b) Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo nguyên nhân đầu tiên tại điểm a khoản này, Bên A có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

c) Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo các nguyên nhân tại điểm a khoản này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

d) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập.
- Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Do Bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của một trong hai bên theo quy định Hợp đồng.
- Theo thỏa thuận của Hai Bên.

Việc chấm dứt Hợp đồng không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 21. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau:

- Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.
- Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy;

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Văn bản thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi trong vòng mười bốn (14) ngày sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra Bất khả kháng, Bên B sẽ cố gắng thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình, tuy nhiên hai Bên sẽ thương lượng và thống nhất các chi phí bổ sung cần thiết để Bên B nỗ lực thực hiện công việc của mình trong quá trình xảy ra Bất khả kháng.

Điều 22. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa Hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định

Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A ra lệnh ngừng thực hiện công việc.

Điều 23. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam.

Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt, ngoại trừ một số tài liệu kỹ thuật có thể bằng tiếng Anh.

Điều 24. Bảo mật Hợp đồng

Hai Bên có trách nhiệm bảo mật và không tiết lộ các thông tin chi tiết liên quan đến hợp đồng ngoại trừ phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo pháp luật hiện hành. Bên B không được công bố hoặc cho phép công bố hay tiết lộ bất cứ thông tin, tài liệu nào về công tác cung cấp dịch vụ và Nhà máy bằng văn bản hay hình thức khác mà không có sự thỏa thuận trước của Bên A.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

25.1 Quyết toán

Hàng năm, hai Bên có trách nhiệm quyết toán Hợp đồng sau khi hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm lập bảy (07) bộ hồ sơ quyết toán Hợp đồng gửi Bên A, nội dung hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng, trong đó nêu rõ Bên B đã hoàn thành xong toàn bộ các công việc dở dang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng (không bao gồm các công việc chưa hoàn thành được do Bên A chưa cung cấp đủ điều kiện thực hiện);
- Biên bản xác nhận giá trị công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Biên bản xác nhận giá trị đã thực hiện tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng của các hợp đồng mà Bên B đã ký kết với bên thứ 3 thuộc phạm vi của Hợp đồng này nhưng chưa thực hiện xong (nếu có);
- Biên bản xác nhận khối lượng, tình trạng sử dụng, giá trị tồn kho, của toàn bộ các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, dụng cụ,... đã được bàn giao/cho mượn từ Bên A để làm cơ sở bàn giao lại cho bên A;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;
- Các tài liệu khác có liên quan...

25.2 Thanh lý Hợp đồng

Hai Bên sẽ thanh lý Hợp đồng khi chấm dứt Hợp đồng.

25.3 Quyền và nghĩa vụ sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Hai Bên sẽ không còn nghĩa vụ và trách nhiệm nào theo Hợp đồng ngoại trừ:

- Các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm phát sinh trước đó hoặc phát sinh vào thời điểm ngay trước khi kết thúc thời hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng; và
- Các nghĩa vụ phải bảo lưu được quy định trong Hợp đồng.

Điều 26. Điều khoản chung

26.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thông báo của một Bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

26.2. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản trên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng yêu cầu.

26.3. Những việc thuộc phạm vi công việc của Hợp đồng nhưng Bên B không thực hiện được theo yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ chủ động thuê Nhà thầu phụ thực hiện theo qui định tại Điều 14 của Hợp đồng đảm bảo yêu cầu của Bên A. chi phí thuê nhà thầu phụ do Bên B chịu.

26.4. Bên A ủy quyền cho Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh ký các biên bản nghiệm thu, xác nhận về khối lượng, chất lượng công việc do Bên B thực hiện; nhận hồ sơ tạm ứng/thanh toán; nhận hoá đơn do Bên B xuất; xác nhận và cho phép triển khai thực hiện các công tác phát sinh, ký kết các biên bản nghiệm thu phát sinh và đề nghị thanh toán các công việc phát sinh.

26.5. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

26.6. Hợp đồng được lập thành 10 bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 bộ, Bên B giữ 04 bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B